

Phó ICM TC năm c'.

Tây Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2013 SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Số: 1988
ĐỀN Ngày: 31/7/2013

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2013

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020;

Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình 6 tháng đầu năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm trên địa bàn tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh và UBND tỉnh

- Chỉ đạo chọn mỗi huyện, thị 01 xã để tập trung đầu tư trong năm 2013-2014. Các huyện, thị đã chọn 9 xã (trong 25 xã điểm) để tập trung đầu tư thực hiện các tiêu chí, mục tiêu đến hết năm 2014 cơ bản có 9 xã đạt chuẩn NTM.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết 02 năm (2011-2012) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và phương hướng, nhiệm vụ năm 2013 đến năm 2015. Tại hội nghị, Ban chỉ đạo tỉnh đã đánh giá những mặt đạt được và những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai; đồng thời UBND tỉnh khen thưởng, biểu dương 34 tập thể và 38 cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới.

- Trong quý I/2013 Ban chỉ đạo tỉnh tiếp đón và làm việc với: Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan và Đoàn kiểm tra Ban Thi đua – Khen thưởng TW về kết quả thực hiện phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM”; Đoàn kiểm tra Ban chỉ đạo xây dựng NTM TW về kết quả 02 năm (2011-2012) thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo Tỉnh ủy chuyên đề về “Một số nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh”.

- Thường trực Ban chỉ đạo tỉnh đã tổ chức buổi làm việc với xã Bến Cùi, huyện Dương Minh Châu về kết quả triển khai thực hiện Chương trình năm 2012 và kế hoạch năm 2013 trên địa bàn xã.

1.2. Các sở ngành

- Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Văn phòng Điều phối, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức học tập kinh nghiệm mô hình Trung tâm Văn hóa – Thể thao và học tập cộng đồng xã tại 03 tỉnh: Bình Phước, Đồng Nai và Bà Rịa –

Vũng Tàu. Hiện Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang phối hợp với Sở Xây dựng thiết kế mẫu và đề xuất kinh phí xây dựng Trung tâm Văn hóa, Thể thao và học tập cộng đồng xã và Nhà văn hóa ấp để các huyện, thị áp dụng thực hiện.

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng NTM Sở Nông nghiệp và PTNT, chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tập trung nguồn lực đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ của ngành cho 9 xã trọng điểm giai đoạn 2013-2014.

- Văn phòng Điều phối thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn 9 xã trọng điểm của tỉnh rà soát, đánh giá thực trạng và lập Kế hoạch xây dựng NTM năm 2013-2014; tổng hợp kế hoạch của 9 xã, trình Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hội thi văn nghệ quần chúng Trung tâm văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng năm 2013 về xây dựng NTM tại 25 xã điểm.

- Sở Giao thông vận tải ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí nông thôn mới về giao thông để các địa phương có cơ sở xây dựng kế hoạch.

- Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn tiêu chí Bưu điện năm 2013.

- Ban chỉ đạo xây dựng NTM Công an tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai kế hoạch năm 2013, chọn 9 xã trọng điểm để tập trung thực hiện Thông tư 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an, triển khai đến Công an xã về công tác đảm bảo an ninh trật tự theo tiêu chí 19.

1.3. Các ban Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh

- Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tuyên truyền xây dựng nông thôn mới thông qua các hội nghị báo cáo viên ở các huyện, thị xã; đưa nội dung xây dựng NTM vào Bản tin thông báo nội bộ hàng tháng; đẩy mạnh phong trào “Dân vận khéo” kết hợp với xây dựng nông thôn mới.

- Mặt trận Tổ quốc xây dựng Kế hoạch quyết tâm trực tiếp tham gia xây dựng nông thôn mới của Bộ phận thường trực UBMTTQVN tỉnh tập trung vào 5/9 xã trọng điểm đến năm 2014; các đoàn thể tỉnh (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Tinh đoàn) triển khai thực hiện các phong trào “Phụ nữ với xây dựng nông thôn mới”, “Thanh niên chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới”,..

1.4. Các huyện, thị

Ban chỉ đạo các huyện, thị chỉ đạo các thành viên BCĐ, tổ giúp việc hướng dẫn đôn đốc các xã hoàn thành công tác quy hoạch và đề án xây dựng NTM.

Về tổ chức, Ban chỉ đạo các huyện Tân Châu và Hòa Thành đã kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ chuyên viên giúp việc cho Ban chỉ đạo.

Về mặt chỉ đạo, điều hành: chỉ đạo các xã tổ chức sơ kết 2 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, Nhìn chung, Ban chỉ đạo các huyện, thị xã đã tập trung triển khai kế hoạch năm 2013, nhất là tập trung cho công tác tuyên truyền,

lập quy hoạch, đề án, dự án xây dựng NTM; UBND các huyện cũng đã tích cực kêu gọi, vận động doanh nghiệp hỗ trợ cho các xã trong xây dựng nông thôn mới.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

- Văn phòng Điều phối Chương trình đã phối hợp với Tỉnh Đoàn, Hội Cựu chiến binh tỉnh thực hiện tuyên truyền Chương trình MTQG xây dựng NTM cho cán bộ Đoàn của Thị xã Tây Ninh và 02 huyện: Tân Châu, Trảng Bàng; 01 buổi cho Hội viên Hội Cựu Chiến binh tỉnh về xây dựng NTM.

- Các tổ chức đảng, đoàn thể tỉnh như: Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Hội Phụ nữ và Mặt trận Tổ quốc đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền xây dựng NTM năm 2013, chủ yếu tập trung công tác triển khai đến đảng viên, hội viên các nội dung trọng tâm, chủ trương chính sách của Trung ương, của tỉnh về xây dựng NTM.

- Tiếp tục hưởng ứng phong trào “Chung sức xây dựng NTM”, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hỗ trợ xã Bình Minh (Thị xã) nâng cấp 3.755m đường GTNT, xây tặng 07 căn nhà Đại đoàn kết; Trường trung cấp Nghề số 7 thuộc quân khu 7 ký kết thực hiện chương trình phối hợp xây dựng nông thôn mới với xã An Bình (Châu Thành), đã hỗ trợ xây tặng 1 căn nhà tình nghĩa trị giá 60 triệu đồng cho gia đình chính sách ở địa phương; công ty Điện lạnh REE-TP.HCM và Công ty phân bón Logrigr hỗ trợ 02 xã Bình Minh, Ninh Sơn 2 tỷ đồng xây mới 7 phòng học; Trang trại Thanh Bình hỗ trợ xã Tân Đông (Tân Châu) bê tông 800m đường GTNT trị giá 800 triệu đồng; ông Trần Phong Ánh ủng hộ 670 triệu đồng xây dựng cầu nông thôn tại xã Trà Vong (Tân Biên), ông Lý Văn Ân ủng hộ 500 triệu đồng làm đường GTNT xã Hiệp Tân (Hòa Thành),... Tại Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, có 12 tập thể, 2 cá nhân 14 doanh nghiệp đã đóng góp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền 34,6 triệu đồng.

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Dân vận Tỉnh ủy mở 02 lớp tập huấn kiến thức xây dựng NTM cho cán bộ làm công tác tuyên truyền; chuẩn bị tiếp tục triển khai 09 lớp cho cán bộ làm công tác tuyên truyền cấp huyện, xã.

Văn phòng Điều phối rà soát số lượng cán bộ thuộc 17 xã điểm chưa qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng để tiếp tục mở lớp, hoàn thành mục tiêu 100% cán bộ thuộc 17 xã điểm được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về NTM, dự kiến tổ chức 03 lớp cho 125 cán bộ.

4. Phân bổ ngân sách cho xây dựng NTM

4.1. Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM do Trung ương phân bổ: 14.470 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 8.280 triệu đồng, giao kế hoạch vốn đầu tư cho mỗi huyện, thị xã 990 triệu đồng; riêng 2 huyện Tân Biên và Bến Cầu, mỗi huyện được bố trí 675 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 6.190 triệu đồng, trong đó bố trí cho công tác:

+ Đào tạo, tập huấn: 950 triệu đồng, giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng cho các cán bộ xây dựng NTM các cấp.

+ Tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn của các sở, ngành đoàn thể tỉnh: 1.252 triệu đồng.

+ Quản lý điều hành: 60 triệu đồng, giao bổ sung cho hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh.

+ Hỗ trợ tuyên truyền cấp xã: 2.035 triệu đồng, trong đó 25 xã điểm mỗi xã 35 triệu đồng, riêng 02 xã mẫu (Thạnh Đông và Long Thành Trung) 45 triệu đồng, các xã còn lại mỗi xã 20 triệu đồng.

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất: 1.620 triệu đồng, mỗi huyện thị 180 triệu đồng hỗ trợ cho các xã điểm thực hiện các mô hình, dự án phát triển sản xuất.

(*Thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2013: 4.431,61 triệu đồng đạt 22,25% KH*)

4.2. Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh

- Ngân sách tỉnh bố trí trực tiếp cho xây dựng NTM năm 2013: 205.000 triệu đồng (trong đó 40.000 triệu đồng nguồn XSKT, 165.000 triệu đồng nguồn vay ưu đãi Bộ Tài chính).

- Ngân sách huyện bố trí trực tiếp cho xây dựng NTM năm 2013: **43.085 triệu đồng** (trong đó huyện Hòa Thành 29.000 triệu đồng, huyện Tân Châu 14.085 triệu đồng).

4.3. Nguồn vốn lồng ghép

Vốn lồng ghép thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2013 là **44.010** triệu đồng, gồm: Chương trình MTQG nước sạch và VSMT 12.912 triệu đồng, Chương trình khuyến nông 3.566 triệu đồng (trong đó hỗ trợ mô hình liên kết 4 nhà 1.761 triệu đồng), Chương trình MTQG dạy nghề và việc làm (đào tạo nghề cho lao động nông thôn) 9.630 triệu đồng, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Chương trình 135) 9.231 triệu đồng, Chương trình hỗ trợ phát triển KT-XH các xã biên giới (Chương trình 160) 8.581 triệu đồng.

5. Kết quả huy động nguồn lực (*Phụ lục 4*)

Tổng nguồn vốn huy động trong 6 tháng năm 2013 khoảng **545.477** triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 523.003 triệu đồng, vốn sự nghiệp 22.474 triệu đồng, gồm:

- Vốn ngân sách: Tổng vốn ngân sách là 533.276 triệu đồng, gồm:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp: 15.031 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 404.891 triệu đồng

+ Ngân sách huyện: 71.140 triệu đồng

+ Ngân sách xã: 2.204 triệu đồng.

+ Vốn lồng ghép: 40.010 triệu đồng (lồng ghép các Chương trình MTQG: Giảm nghèo, Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Việc làm, Chương trình 135, Chương trình 160).

- Vốn doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác: 4.676 triệu đồng.

- Vốn dân góp: 7.525 triệu đồng.

Tổng kế hoạch vốn trên địa bàn 9 xã trọng điểm 2013-2014 trong 6 tháng năm 2013: 128.033 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp 5.310 triệu đồng, ngân sách tỉnh 110.083 triệu đồng, ngân sách huyện 9.708 triệu, đã thực hiện giải ngân 56.198 triệu đồng, đạt 43,8% KH.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG XÂY DỰNG NTM

1. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM (Phụ lục 1)

* *Công tác lập quy hoạch xây dựng xã NTM*: đến nay đã hoàn thành phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM cho 82/82 xã, đạt 100% số xã.

* *Công tác lập đề án xây dựng NTM cấp xã*:

UBND, BCĐ tỉnh đã chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tiến độ phê duyệt đề án ngay sau khi hoàn thành công tác quy hoạch. Đến nay, số xã đã được phê duyệt đề án: 18/82 xã (xã điểm) gồm: Long Thành Trung, Long Thành Bắc, Trường Hòa (Hòa Thành); Phước Trạch (Gò Dầu); An Hòa, An Tịnh (Trảng Bàng); Thạnh Bình (Tân Biên); Thạnh Đông (Tân Châu) và 10/10 xã của huyện Dương Minh Châu; các xã điểm còn lại đang hoàn chỉnh và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân (Phụ lục 2)

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: đang triển khai dự án hỗ trợ mô hình nuôi bò sinh sản ở 4 xã (Bình Minh, Thạnh Bình, Chà Là, Long Thành Bắc); 01 mô hình nuôi bò sữa xã An Tịnh; mô hình khuyến nông cho 4 xã (Thanh Điền, Phước Trạch, Phước Đông, Bàu Đồn) và mô hình nuôi ba ba xã Tân Hòa.

- Mô hình liên kết 4 nhà thâm canh lúa theo hướng VietGAP và cánh đồng mẫu lớn vụ Đông Xuân 2012-2013 thực hiện 14 xã (trong đó có 4 xã điểm) thuộc 6 huyện trọng điểm trồng lúa của tỉnh, diện tích của mô hình là 2.090 ha với 1.224 hộ dân và 06 doanh nghiệp tham gia. Mô hình đã giúp cho nông dân có kỹ thuật canh tác tiên tiến, tiết kiệm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường và tăng lợi nhuận so với canh tác ngoài mô hình. Hiệu quả đạt được của mô hình có sức lan tỏa rộng khắp, đây là tiền đề để xây dựng vùng lúa chất lượng cao, sản xuất theo hướng VietGAP với diện tích lớn.

- Chương trình Khuyến nông đến nay đang triển khai 2 mô hình trồng trọt, 2 mô hình chăn nuôi, 4 mô hình thủy sản và 1 dự án khí sinh học với 61.200 con giống thực hiện trên 51,14 ha.

- Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn: trong 6 tháng đầu năm đã tổ chức 65 lớp đào tạo 11 nghề cho 2.110 người (đạt 41,1% số lớp, 40,8% số học viên và 52,3% số nghề so với kế hoạch trong năm 2013).

- Về phát triển kinh tế tập thể: Trên địa bàn tỉnh hiện có 52 HTX, 1.334 THT lĩnh vực nông nghiệp, trong đó 6 tháng đầu năm vận động thành lập mới 01 HTX và 02 THT nông nghiệp, 10/17 xã điểm có tổ chức kinh tế hợp tác đang hoạt động lĩnh vực nông nghiệp (đạt 59%). Chương trình sản xuất rau an toàn đến nay đã xây dựng 11 mô hình với tổng diện tích 47,03 ha, 209 hộ dân tham gia, trong đó có 5 HTX và 7 tổ liên kết sản xuất rau an toàn. Tuy nhiên các mô hình sản xuất rau an toàn đang gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, các chủ trương chính sách và cơ sở hạ tầng cho sản xuất rau an toàn còn hạn chế.

3. Công tác xây dựng CSHT thiết yếu cấp xã (*Phụ lục 3.1 và 3.2*)

- Nguồn vốn NSNN: Đến nay trên địa bàn 82 xã đã và đang triển khai: 190 công trình giao thông nông thôn, hoàn thành đưa vào sử dụng 42 công trình; 22 công trình thủy lợi; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học cho 122 trường; hỗ trợ xây dựng 28 trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cấp cơ sở vật chất cho 22 trường từ ngân sách các huyện; hỗ trợ xây dựng 45 trạm y tế xã, trong đó có 11 trạm y tế xây dựng mới; xây dựng 02 nhà văn hóa ấp tại xã Thạnh Đông và Tân Hưng (Tân Châu); 38 công trình trụ sở xã và các công trình phụ trợ, trong đó có 03 trụ sở UBND xã hoàn thành đưa vào sử dụng; nâng cấp, sửa chữa 13 hệ thống cấp nước sạch tập trung. Tổng kế hoạch vốn năm 2013: 510.298 triệu đồng, đã giải ngân 255.356 triệu đồng (đạt 49,8% KH).

Tại 9 xã trọng điểm, đã triển khai: 46 công trình GTNT; 7 công trình thủy lợi nội đồng; kiên cố hóa trường lớp học cho 20 trường, hỗ trợ xây dựng đạt chuẩn quốc gia cho 14 trường (hoàn thành 4 trường); 4 trạm y tế xã, trong đó có 3 trạm xây dựng mới; 01 nhà văn hóa ấp Thạnh Nghĩa (xã Thạnh Đông); 02 công trình nhà làm việc khối đoàn thể; sửa chữa, nâng cấp 3 công trình cấp nước tập trung tại ấp Long Châu (xã Long Khánh), ấp Long Thới (xã Long Thành Trung), ấp Thạnh Thọ (xã Thạnh Bình). Tổng kế hoạch vốn năm 2013: 127.029 triệu đồng, chiếm 24% so với kế hoạch vốn đầu tư trên địa bàn 82 xã, đã giải ngân 55.223 triệu đồng (đạt 43,47% kế hoạch).

4. Kết quả thực hiện 19 tiêu chí (*Phụ lục 5.1 và 5.2*)

- Tiến độ đạt tiêu chí của 82 xã tính đến cuối tháng 6/2012 như sau:

- + Số xã đạt 14 tiêu chí: 1/82 xã (Bến Củi, Dương Minh Châu);
- + Số xã đạt 13 tiêu chí: 1/82 xã (Long Thành Trung, Hòa Thành);
- + Số xã đạt 12 tiêu chí: 1/82 xã (Long Thành Bắc, Hòa Thành);
- + Số xã đạt 11 tiêu chí: 1/82 xã (Phước Trạch, Gò Dầu);
- + Số xã đạt 10 tiêu chí: 5/82 xã;
- + Số xã đạt 9 tiêu chí: 7/82 xã;
- + Số xã đạt 8 tiêu chí: 12/82 xã;
- + Số xã đạt 7 tiêu chí: 15/82 xã;
- + Số xã đạt 6 tiêu chí: 23/82 xã;
- + Số xã đạt 5 tiêu chí: 10/82 xã;

+ Số xã đạt 4 tiêu chí: 5/82 xã;
+ Số xã đạt 3 tiêu chí: 1/82 xã;
- Phân loại đạt theo tiêu chí:
+ Tiêu chí 1-Quy hoạch: 82/82 xã; Tiêu chí 3-Thuỷ lợi: 26/82 xã đạt; Tiêu chí 4-Điện: 68/82 xã đạt; Tiêu chí 7- Chợ: 20/82 xã đạt; Tiêu chí 8-Bưu điện: 81/82 xã đạt; Tiêu chí 9-Nhà ở: 3/82 xã đạt; Tiêu chí 10-Thu nhập: 8/82 xã; Tiêu chí 11-Hộ nghèo: 28/82 xã đạt; Tiêu chí 12-Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: 33/82 xã đạt; Tiêu chí 13-Hình thức tổ chức sản xuất: 53/82 xã đạt; Tiêu chí 14-Giáo dục: 20/82 xã; Tiêu chí 15-Y tế: 21/82 xã đạt; Tiêu chí 16-Văn hóa: 79/82 xã đạt; Tiêu chí 18-Hệ thống chính trị: 16/82 xã đạt; Tiêu chí 19-An ninh trật tự xã hội: 16/82 xã đạt.

+ Các tiêu chí chưa có xã đạt (3 tiêu chí) gồm: 2; 5; 6

5. Đánh giá chung và kiến nghị, đề xuất

5.1. Những mặt làm được

Sau hơn 02 năm thực hiện Chương trình, Ban chỉ đạo tỉnh đã đánh giá, rút kinh nghiệm, đề ra những giải pháp chỉ đạo thực hiện đến năm 2015. Bộ máy chỉ đạo, điều hành ở các cấp thường xuyên được kiện toàn, đảm bảo hoạt động ổn định.

Chương trình xây dựng NTM dần trở nên quen thuộc với toàn thể hệ thống chính trị - xã hội; các ban ngành, đoàn thể huyện, xã đã chủ động hơn trong công tác triển khai thực hiện, đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được Ban chỉ đạo huyện phân công.

Nguồn lực đầu tư có trọng tâm theo chỉ đạo của UBND tỉnh, nhất là ở 9 xã trọng điểm trong năm 2013-2014.

5.2. Những tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân

Tiến độ phê duyệt đề án còn chậm, nguyên nhân do công tác thẩm định, chỉnh sửa đề án kéo dài (phải thông qua HĐND xã theo quy định của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNN-BKHĐT-BTC), mặt khác do trình độ Ban quản lý xã còn hạn chế nên chất lượng đề án không cao, tập trung nhiều cho xây dựng cơ sở hạ tầng và trong chờ vào ngân sách.

Phong trào “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM” được phát động rộng khắp ở tất cả các địa phương, tuy nhiên các hoạt động hưởng ứng phong trào chỉ tập trung ở các xã điểm, chưa có nhiều chuyển biến về tuyên truyền vận động xây dựng NTM ở các xã ngoài xã điểm.

Một số sở, ngành, huyện, thị xã chưa thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo phân công nhiệm vụ của UBND tỉnh (tại Quyết định 1679/QĐ-UBND ngày 26/8/2012) nên việc tổng hợp tình hình xây dựng nông thôn mới ở các sở ngành, huyện, thị cũng như những khó khăn, tồn tại về Ban chỉ đạo tỉnh chưa kịp thời.

Một số huyện chưa tích cực đôn đốc và cử cán bộ các phòng chuyên môn hỗ trợ các xã xây dựng đề án, chủ yếu giao nhiệm vụ cho phòng Nông nghiệp và

PTNT. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo các địa phương hạn hẹp nên khó khăn trong việc kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở.

Cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở cấp huyện, xã đều thực hiện kiêm nhiệm nên gặp khó khăn trong việc tham mưu tổ chức thực hiện.

Một số thành viên Ban chỉ đạo được phân công phụ trách xã điểm chưa đi cơ sở để nắm tình hình triển khai tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM để đôn đốc chỉ đạo.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2013

1. Ban chỉ đạo tỉnh

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM 6 tháng đầu năm 2013 ở các huyện và thị xã.

Tiếp tục vận động các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký, hỗ trợ cho phong trào xây dựng NTM của tỉnh, đặc biệt là ở 25 xã điểm.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Điều phối Chương trình)

Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt đề án xây dựng NTM cấp xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1109/UBND-KTN ngày 26/5/2013.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức xây dựng nông thôn mới.

Theo dõi và quản lý nguồn kinh phí do các cá nhân, tổ chức đóng góp hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Xây dựng trang thông tin điện tử về xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

3. Sở Xây dựng

Tiếp tục hướng dẫn cho các xã lập Quy hoạch xây dựng xã NTM, đảm bảo đúng tiến độ đúng theo kế hoạch và triển khai công bố, quản lý thực hiện quy hoạch.

4. Cục Thống kê tỉnh

Xây dựng biểu mẫu và hướng dẫn các xã điều tra tính thu nhập bình quân đầu người/năm (theo tiêu chí 10 về thu nhập) được sửa đổi theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 về sửa đổi Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới.

4. Các sở, ngành

- Hướng dẫn cụ thể cho các huyện, thị xã thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương thuộc Sở, ngành phụ trách về công tác xây dựng NTM.

- Trên cơ sở kế hoạch của các xã điểm, xây dựng kế hoạch hành động thực hiện các tiêu chí theo lĩnh vực sở, ngành mình phụ trách giai đoạn 2013 - 2015.

5. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và định hướng công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức cho đảng viên, cán bộ và nhân dân trong việc tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

6. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động lựa chọn những nội dung thiết thực, phối hợp để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các thành viên, hội viên tích cực triển khai xây dựng NTM.

7. Đài PT-TH Tây Ninh, Báo Tây Ninh

Cùng với các chương trình với thời lượng tuyên truyền về nông thôn hiện có, tăng cường và bố trí thời gian và thời lượng phát sóng thích hợp, mở thêm các chuyên mục, chuyên trang về việc triển khai các nội dung xây dựng NTM, nhất là ở 25 xã điểm, các xã khó khăn; phổ biến kinh nghiệm những địa phương làm tốt, những mô hình hay, những gương điển hình tiên tiến.

8. UBND các huyện, thị xã và các xã

Duy trì và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động về xây dựng NTM dưới các hình thức; chú trọng vào các cơ chế chính sách của tỉnh, trung ương và các mô hình điển hình trong phong trào xây dựng NTM tại địa phương. Tiếp tục bồi dưỡng, nhân rộng các mô hình điển hình đã có, đồng thời phát hiện những nhân tố mới, điển hình để có hình thức tuyên truyền, nhân rộng phù hợp.

Tổ chức phát động tại các địa bàn xã, áp và trong các tổ chức đoàn thể cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng NTM” và thực hiện phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM”.

Chỉ đạo và hỗ trợ các xã khẩn trương hoàn thành xây dựng quy hoạch và đề án xây dựng NTM; khẩn trương phê duyệt đề án xây dựng NTM của các xã; công bố và công khai quy hoạch, đề án theo quy định.

UBND các xã triển khai kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2013; tăng cường công tác khuyến nông, tập huấn, hỗ trợ các HTX, THT; tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Các huyện, thị theo dõi, đôn đốc và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình năm 2013 từ các nguồn vốn đã được phân bổ; chủ động lồng ghép các nguồn vốn, đẩy mạnh phong trào làm đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

Tiếp tục vận động các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, các nhà tài trợ hỗ trợ các nguồn lực, huy động nguồn đóng góp của nhân dân để xây dựng NTM theo đề án được phê duyệt.

Thực hiện chế độ báo cáo tháng, quý theo đúng quy định về Văn phòng Điều phối để tổng hợp, tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh báo cáo

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Trung ương

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: sớm ban hành cơ chế lồng ghép các Chương trình MTQG trên địa bàn xã.

- Bộ Tài chính: ban hành văn bản hướng dẫn thủ tục giải ngân, thanh quyết toán nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân tự thực hiện và chủ động giám sát.

- Bộ Xây dựng: hướng dẫn tiêu chí nhà ở nông thôn phù hợp với điều kiện sống của từng địa phương.

2. Đối với UBND tỉnh

Chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo Quyết định 1679/QĐ-UBND ngày 26/8/2012 của UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020.

Ban Chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh Tây Ninh báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh và xin ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- BCĐ NTM TW;
- TT.TU; TT.HĐND;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ;
- Lưu: VT, VPDP.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Vương Quốc Thới

Phụ lục 1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC LẬP QUY HOẠCH, ĐỀ ÁN XÂY DỰNG NTM

(kết quả cập nhật đến tháng 6/2013)

TT	Nội dung	Kết quả thực hiện		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Tổng số xã	82		
2	Công tác quy hoạch NTM			
	Số xã đã hoàn thành phê duyệt QH chung	82	100	
3	Lập đề án xây dựng nông thôn mới			
	Số xã đã hoàn thành phê duyệt đề án	18	22	

Phụ lục 2. PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện	Ghi chú
1	Mô hình sản xuất hiệu quả	mô hình	9	Gồm các mô hình: LK 4 nhà thảm canh lúa; sx rau an toàn; khí sinh học, trồng thảm canh săn bén vững; áp dụng "3 giảm,, 3 tăng" trong sx lúa; nuôi vịt thịt ATSH; nuôi gà thịt ATSH; thảm canh cá tra; nuôi cá thát lát
2	Hình thức tổ chức sản xuất (HTX, tổ hợp tác...)	HTX/THT	3	vận động thành lập mới 01 HTX và 02 THT nông nghiệp
3	Nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất		6.366	
	- Hỗ trợ của TW	tr.đ	1.620	hỗ trợ 4 mô hình cho 11 xã điểm, giải ngân 6 tháng đầu năm 450 triệu đồng (đạt 27,7% KH)
	- Ngân sách tỉnh	tr.đ	3.566	Chương trình khuyến nông 1.805 triệu đồng; hỗ trợ mô hình LK 4 nhà 1761 triệu đồng
	- Vốn lồng ghép	tr.đ	1.180	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (CT 135)
4	Đào tạo nghề			
	- Số lớp đào tạo nghề	lớp	65	Chương trình MTQG Dạy nghề và việc làm
	- Số lao động học nghề	người	2.110	
	- Số lao động có việc làm sau học nghề	người		
	Kinh phí đào tạo nghề	tr.đ	9.630	Giải ngân 6 tháng đầu năm 849 triệu đồng (đạt 8,82% KH)

PHỤ LỤC 3.1. TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG THIẾT YẾU CẤP XÃ (VỐN NS)

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						ĐVT: Triệu đồng	GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tinh(*)	NS huyện	NS xã	Lòng ghép	Giải ngân	Tỷ lệ (%)
	TỔNG CỘNG		511.302	8.280	400.044	71.140	2.204	29.634	256.331	50
I	GIAO THÔNG NÔNG THÔN		189.416	8.280	123.178	40.732	2.204	15.022	79.908	42
1	Vốn tĩnh hỗ trợ mục tiêu		106.646	7.290	99.356				38.046	36
a	Công trình chuyển tiếp		35.567	1.980	33.587				17.252	49
1	Đường công văn hóa apse 3	xã Trà Vong, Tân Biên	415		415					260
2	Đường apse 4 cầu Sa Nghe	xã Trà Vong, Tân Biên	110		110					63
3	NC đường liên apse Thạnh Phú-Thạnh Lợi	xã Thạnh Bình, Tân Biên	150		150					44
4	Láng nhựa đường 14 Thạnh Nghĩa	xã Thạnh Đông, Tân Châu	250		250					20
5	Láng nhựa đường hẻm số 9 đèn kênh Tây	xã Phước Ninh, D.M.Châu	705		705					13
6	Đường 6-6 apse Ninh Hưng 1	xã Chà Là, D.M.Châu	1.290		1.290					250
7	Đường 28-28 apse Ninh Hưng 1	xã Chà Là, D.M.Châu	769		769					100 HT
8	Đường hẻm số 4 tô 4 apse 4	xã Bên Cùi, D.M.Châu	610		610					720
9	Đường hẻm số 27 tô 6 apse 1	xã Bên Cùi, D.M.Châu	580		580					94
10	Đường hẻm số 5 tô 2 apse 2	xã Bên Cùi, D.M.Châu	400		400					570
11	Đường ĐH 13 apse Bình Linh	xã Chà Là, D.M.Châu	2.542	990	1.552					95
12	Đường ĐH 3 apse Lán	xã Chà Là, D.M.Châu	4.806		4.806					100 HT
13	Đường đèn Trung tâm xã Phước Đông	xã Phước Đông, Gò Dầu	3.200		3.200					4.806
14	Láng nhựa đường Cao Sơn Tự	xã Phước Trạch, Gò Dầu	330	330						100 HT
15	Láng nhựa đường Ấp 2, xã Bàu Đôn (vào HTX)	xã Bàu Đôn, Gò Dầu	330	330						0
16	Láng nhựa đường Ấp 4, xã Bàu Đôn	xã Bàu Đôn, Gò Dầu	330	330						0
17	Đường đèn trung tâm xã Bình Thạnh	xã Bình Thạnh, Trảng Bàng	18.750		18.750					100 HT
b	Công trình mới		71.079	5.310	65.769				20.794	29
1	Đường tô 6-tô 7, apse Giồng Tre	xã Bình Minh, Thị xã	700		700					20
2	Đường tô 5, apse Thạnh Trung	xã Thạnh Tân, Thị xã	990	990						20
3	Hẻm tô 19 -2 apse Ninh An - Ninh Lộc	xã Ninh Sơn, Thị xã	1.300		1.300					990
4	Đường tô 5, apse Tân Trung	xã Tân Bình, Thị xã	300		300					100 HT
5	Đường tô 14b, apse Bình Trung	xã Bình Minh, Thị xã	60		60					350
6	Hẻm số 5, apse Bình Trung	xã Bình Minh, Thị xã	225		225					63
7	Đường số 427 Trần Văn Tàu, apse Kinh Tê	xã Bình Minh, Thị xã	70		70					30
8	Đường tô 2, apse Giồng Cà	xã Bình Minh, Thị xã	150		150					50
9	Đường số 15 Thạnh Bình	xã Thạnh Bình, Tân Biên	4.752		4.752					70
10	Đường số 7 Thạnh Bình	xã Thạnh Bình, Tân Biên	2.238	675	1.563					31
11	Đường số 32 Thạnh Bình	xã Thạnh Bình, Tân Biên	2.395		2.395					25
12	Bê tông xi măng đường 14 apse Tân Trung	xã Tân Hưng, Tân Châu	230		230					36
										0
										0

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tinh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	
13	Đường số 3-3apse Thạnh Hiệp	xã Thạnh Đông, Tân Châu	500		500				0	0
14	Đường 1-1 (THD 05)apse Thạnh Hiệp	xã Thạnh Đông, Tân Châu	248	248					0	0
15	Đường 11apse Thạnh Nghĩa	xã Thạnh Đông, Tân Châu	194		194				0	0
16	Đường 4-4apse Thạnh Quới	xã Thạnh Đông, Tân Châu	512		512				0	0
17	Đường 12-12apse Thạnh Hiệp	xã Thạnh Đông, Tân Châu	648		648				0	0
18	Đường 16apse Thạnh Hưng	xã Thạnh Đông, Tân Châu	355	355					0	0
19	Đường 19-19apse Thạnh Hưng	xã Thạnh Đông, Tân Châu	387	387					0	0
20	Láng nhựa đường Đông Hà, Tân Đông	xã Tân Đông, Tân Châu	7.000		7.000				0	0
21	Đường số 7apse 2	xã Bên Củi, D.M.Châu	805		805				0	0
22	Đường số 14apse 3	xã Bên Củi, D.M.Châu	1.570		1.570				0	0
23	Đường số 10apse 3	xã Bên Củi, D.M.Châu	730		730				0	0
24	Đường số 1apse 2	xã Bên Củi, D.M.Châu	240		240				0	0
25	Đường số 3apse 2	xã Bên Củi, D.M.Châu	475		475				0	0
26	Đường Sân Đình	xã Phan, D.M.Châu	5.000		5.000				1.500	30
27	Nâng cấp đường liên xã	Phước Vinh, Châu Thành	16.500		16.500				0	0
28	Nâng cấp đường Trung tâmapse Bàu Sen	xã Hào Đức, Châu Thành	2.000		2.000				2.000	100
29	Đườngapse Thanh Trung đèn Miếu Gia Gia	xã Thanh Điền, Châu Thành	1.080		1.080				750	69
30	Đường trung tâmapse Thanh Đông	xã Thanh Điền, Châu Thành	990	990					650	66
31	Nâng cấp đường vào bến Voi Dầu	xã Thanh Điền, Châu Thành	830		830				500	60
32	Đường An Bình 9	xã An Bình, Châu Thành	750		750				750	100
33	Đường Rừng Miếu	xã An Bình, Châu Thành	1.050		1.050				1.050	100
34	Đường Rạch Rán	xã An Bình, Châu Thành	650		650				650	100
35	Láng nhựa đường số 01	xã Phước Trạch, Gò Dầu	400		400				400	100 HT
36	Láng nhựa đường số 20+22	xã Phước Trạch, Gò Dầu	400		400				400	100 HT
37	Láng nhựa đường Man Chà	xã Bàu Đồn, Gò Dầu	1.000		1.000				1.000	100 HT
38	Láng nhựa đường Xóm Bô-Bàu Đồn	xã Bàu Đồn, Gò Dầu	1.000		1.000				1.000	100 HT
39	Láng nhựa đườngapse 5	xã Bàu Đồn, Gò Dầu	200		200				0	0
40	Láng nhựa đường 782 đèn trường THapse 4	xã Bàu Đồn, Gò Dầu	200		200				200	200 HT
41	Láng nhựa đường số 15-782	xã Phước Đông, Gò Dầu	200		200				200	200 HT
42	Láng nhựa đường số 5-782	xã Phước Đông, Gò Dầu	200		200				200	200 HT
43	Láng nhựa đường số 25-782	xã Phước Đông, Gò Dầu	600		600				200	200 HT
44	Láng nhựa đường số 6-782	xã Phước Đông, Gò Dầu	200		200				0	0
45	Láng nhựa đường số 18	xã Phước Trạch, Gò Dầu	200		200				200	200 HT
46	Láng nhựa đường số 37	xã Phước Trạch, Gò Dầu	200		200				0	0 HT
47	Nhựa hóa tuyêndường Bàu Nôapse Long Tân	xã Long Khánh, Bến Cầu	1.575	675	900				787	50
48	Nhựa hóa tuyêndường khu dân cưapse Rừng Dầu	xã Tiên Thuận, Bến Cầu	200		200				100	50

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM	GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lòng ghép	Giải ngân	
49	Đường apse Suối Sâu	xã An Tịnh, Trảng Bàng	1.220	990	230				1.220	100
50	Đường An Khương	xã An Tịnh, Trảng Bàng	555		555				355	64
51	Đường An Khương - An Phú	xã An Tịnh, Trảng Bàng	1.380		1.380				1.380	100
52	Đường An Phú - An Thành	xã An Tịnh, Trảng Bàng	925		925				277	30
53	Đường liên xã	Gia Bình-Gia Lộc, Trảng Bàng	4.500		4.500				0	0
2	Võn tinh giao huyện làm chủ đầu tư		23.822		23.822				9.057	38
1	Đường dân sinh TK 58 rừng phòng hộ Dầu Tiêng	xã Tân Hoà, Tân Châu	2.000		2.000				0	0
2	Nâng cấp đường liên xã	Thái Bình-Trí Bình-Hảo Đức - An Cơ, Châu Thành	12.000		12.000				0	0
3	Nâng cấp đường liên xã	Thái Bình-Trí Bình-Hảo Đức - An Cơ, Châu Thành	500		500				500	100
4	Nâng cấp đường liên xã	Thái Bình-Trí Bình-Hảo Đức - An Cơ, Châu Thành	766		766				766	100
5	Đường liên xã Long Thành Băc-Bàu Năng	xã Long Thành Băc, Hòa Thành	8.000		8.000				7.281	91
6	Đường An Phú Khương - Suối Sâu	xã An Tịnh, Trảng Bàng	556		556				510	92
3	Võn ngân sách huyện		41.722	990		40.732			22.238	52
a	Công trình chuyên tiếp		4.122	990		4.122			3.034	74
1	Đường tô 1apse Hòa Đông A	xã Hòa Hiệp, Tân Biên	1.105		1.105				1.105	100
2	Đường liên xã Thạnh Bình-Tân Phong	xã Thạnh Bình, Tân Biên	401		401				0	0
3	Nâng cấp đường 16,apse Tân Đông	xã Tân Hưng, Tân Châu	600		600				0	0
4	Đường liênapse Chòm Dừa-Bình Lương	xã Đông Khoi, Châu Thành	400		400				400	400
5	Nâng cấp đường tô 3apse Long Chân	xã Long Vinh, Châu Thành	30		30				30	100
6	Nâng cấp đường tô 2apse Long Chân	xã Long Vinh, Châu Thành	50		50				50	100
7	Nâng cấp đường tô 2apse Long Phú	xã Long Vinh, Châu Thành	100		100				100	100
8	Láng nhựa đường số 23	xã Phước Trạch, Gò Dầu	900		900				900	100
9	Nâng cấp sỏi đỏ đường Phước Hội	xã Phước Thạnh, Gò Dầu	60		60				60	100
10	Đường trạm xã-Bàu Mây	xã An Tịnh, Trảng Bàng	116		116				116	100
11	NC đường Hòa Hưng 1	xã An Hòa, Trảng Bàng	164		164				164	100
12	NC đường An Quới 1	xã An Hòa, Trảng Bàng	109		109				109	100
13	Đường Phước Giang	xã Phước Lưu, Trảng Bàng	87		87				0	0
b	Công trình mới		37.600	990		36.610			19.204	50
1	Đường vành đaiapse 1-Gò Đá	xã Hòa Hiệp, Tân Biên	2.276		2.276				907	40
2	Đường tô 1,6.9.12apse Sân Bay	xã Tân Phong, Tân Biên	1.537		1.537				0	0
3	Đường Gò Cát 793	xã Tân Phong, Tân Biên	2.591		2.591				0	0
4	Đường B5apse Thạnh Sơn	xã Thạnh Tây, Tân Biên	542		542				0	0
5	Đường Thạnh Trung	xã Thạnh Tây, Tân Biên	473		473				0	0

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	
6	Đường lô 2 áp Thạnh Nam	xã Thạnh Tây, Tân Biên	973			973			0	0	
7	Đường tô 7,8 nồng trường 2 Xa Mát	xã Tân Lập, Tân Biên	517			517			85	16	
8	Đường Bầu Bên	xã Thạnh Bắc, Tân Biên	1.830			1.830			214	12	
9	Đường KDC Bầu Rā	xã Thạnh Bắc, Tân Biên	1.681			1.681			568	34	
10	Đường lô 3 áp 1	xã Suối Dây, Tân Châu	500			500			250	50	
11	Đường số 2 (giai đoạn 1)	xã Tân Hoà, Tân Châu	400			400			200	50	
12	Đường lô 5,6,14 áp Đông Hà	xã Tân Hà, Tân Châu	300			300			150	50	
13	Đường số 16	xã Tân Thành, Tân Châu	650			650			325	50	
14	Đường KDC áp Tân Tiên	xã Tân Phú, Tân Châu	500			500			250	50	
15	Đường tô 10 áp Tân Dũng	xã Tân Hà, Tân Châu	400			400			200	50	
16	Đường 18-18 áp Hội An	xã Tân Hội, Tân Châu	650			650			325	50	
17	Đường tô 1 áp Thạnh An	xã Tân Hiệp, Tân Châu	300			300			150	50	
18	Đường áp 2	xã Suối Ngô, Tân Châu	400			400			200	50	
19	Đường Tân Hòa 11 (nhựa)	xã Tân Hòa, Tân Châu	205			205			100	50	
20	Nâng cấp sỏi đá đường số 12 áp Tân Đông	xã Tân Hưng, Tân Châu	250			250			125	50	
21	Cải tạo, mở rộng đường DH12	xã Tân Đông, Tân Châu	2.000			2.000			1.000	50	
22	Xây dựng cầu Tà Ôn	xã Suối Ngô, Tân Châu	250			250			250	100	
23	Xây dựng cầu Tân Hưng	xã Tân Hưng, Tân Châu	240			240			240	100	
24	Đường vào TT VH xã	xã Hiệp Tân, Hòa Thành	1.705			1.705			934	54	
25	Đường GTNT	xã L.T.Trung, Hòa Thành	3.190	990		2.200			2.992	91	
26	Lán nhựa đường số 5 Khu TĐC	xã An Tịnh, Trảng Bàng	140			140			139	99	
27	Láng nhựa đường số 01	xã Phước Trạch, Gò Dầu	900			900			900	100	HT
28	Láng nhựa đường số 20+22	xã Phước Trạch, Gò Dầu	650			650			900	100	HT
29	Láng nhựa đường Man Chà	xã Bàu Đòn, Gò Dầu	1.300			1.300			900	100	HT
30	Láng nhựa đường Xóm Bô- Bàu Đòn	xã Bàu Đòn, Gò Dầu	1.300			1.300			1.300	100	HT
31	Láng nhựa đường áp 5	xã Bàu Đòn, Gò Dầu	300			300			1300	100	HT
32	Láng nhựa đường 782 đèn trường TH áp 4	xã Bàu Đòn, Gò Dầu	500			500			0	0	
33	Láng nhựa đường số 15-782	xã Phước Đông, Gò Dầu	650			650			500	100	HT
34	Láng nhựa đường số 5-782	xã Phước Đông, Gò Dầu	1.100			1.100			650	100	HT
35	Láng nhựa đường số 25-782, đường số 6	xã Phước Đông, Gò Dầu	1.800			1.800			700	100	HT
36	Láng nhựa đường số 6-782	xã Phước Đông, Gò Dầu	350			350			350	100	HT
37	Láng nhựa đường số 18, xã Phước Trạch	xã Phước Trạch, Gò Dầu	1.300			1.300			1.300	100	HT
38	Láng nhựa đường số 37, xã Phước Trạch	xã Phước Trạch, Gò Dầu	250			250			250	100	HT
39	Láng nhựa đường Câu Sao-Bàu Sen	xã Thanh Phước, Gò Dầu	500			500			500	100	HT
40	Nâng cấp sỏi đá đường Cây Da	xã Phước Thạnh, Gò Dầu	200			200			200	100	HT
41	Nâng cấp đường liên xã	Long Khánh, Bến Cầu	500			500			0	0	

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	
42	Nâng cấp tuyến đường Long Giang 6	xã Long Giang, Bên Cầu	500			500			250	50	
43	Sửa chữa đường An Thạnh - Trà Cao	xã An Thạnh, Bên Cầu	1.000			1.000			500	50	
4	Võn ngân sách xã		2.204					2.204	2.204	100	
1	Sửa chữa đường tô 10apse Tân Xuân	xã Tân Phú, Tân Châu	136				136		136	100	HT
2	Sửa chữa đường tô 37apse Tân Thanh	xã Tân Phú, Tân Châu	79				79		79	100	HT
3	Sửa chữa đường tô 38apse Tân Thanh	xã Tân Phú, Tân Châu	30				30		30	100	HT
4	Sửa chữa đường tô 03apse Tân Xuân	xã Tân Phú, Tân Châu	98				98		98	100	HT
6	Làm đường tô 9apse Hội Thạnh	xã Tân Hội, Tân Châu	493				493		493	100	HT
7	Bê tông xi măng đường vào trường THCS Đông Rùm, TH Tân Thành A, TH Tân Thành B	xã Tân Thành, Tân Châu	170				170		170	100	HT
8	Đắp lề 02 bên tuyến đường Tân Thành 11	xã Tân Thành, Tân Châu	38				38		38	100	HT
9	Dặm vỉa 02 tuyến đường ngã tư Tân Thành-Tân Thuận Đông Kèn 1	xã Tân Thành, Tân Châu	120				120		120	100	HT
10	Làm mới sỏi đá đường tô 12apse 2	xã Suối Ngò, Tân Châu	270				270		270	100	HT
11	Làm mới sỏi đá đường tô 13apse 4	xã Suối Ngò, Tân Châu	250				250		250	100	HT
12	Làm mới sỏi đá đường tô 14apse 4	xã Suối Ngò, Tân Châu	250				250		250	100	HT
13	Bê tông xi măng đường tô 2apse 1	xã Suối Ngò, Tân Châu	270				270		270	100	HT
5	Võn Chương trình 160		7.476					7.476	2.363	32	
5.1	Công trình chuyển tiếp		476					476	0	0	
1	NC đườngapse Bình Hòa 1	xã Bình Thành, Trảng Bàng	94				94		0	0	
2	NC đườngapse Bình Thạnh	xã Bình Thành, Trảng Bàng	72				72		0	0	
3	NC đườngapse Bình Hòa 2	xã Bình Thành, Trảng Bàng	145				145		0	0	
4	NC đườngapse Bình Hòa 3	xã Bình Thành, Trảng Bàng	59				59		0	0	
5	NC sỏi đá đườngapse Phước Bình	xã Phước Chi, Trảng Bàng	106				106		0	0	
5.2	Công trình mới		7.000					7.000	2.363	34	
1	Đườngapse Tân Minh	xã Tân Bình, Tân Biên	292				292		108	37	
2	Đườngapse 2apse Tân Minh	xã Tân Bình, Tân Biên	588				588		500	85	
3	Đườngapse 5apse Tân Thạnh	xã Tân Bình, Tân Biên	154				154		65	42	
4	Đườngapse 4apse Hòa Bình	xã Hòa Hiệp, Tân Biên	1.006				1.006		530	53	
5	Đườngapse lô 12tô 12apse Tân Tiên	xã Tân Lập, Tân Biên	540				540		470	87	
6	Đườngapse Tân Hòa 13	xã Tân Hòa, Tân Châu	260				260		0	0	
7	Đườngapse DCapse Con Trăn - tuyến 3 (nhánh 1)	xã Tân Hoà, Tân Châu	170				170		0	0	
8	Đườngapse 4-7apse Tân Trung	xã Tân Hà, Tân Châu	520				520		0	0	
9	Nâng cấp đường Kà Ôt, Đông Biên,	xã Tân Đông, Tân Châu	500				500		0	0	
10	Cải tạo đường vào nhà máy mì Thiên Bích	xã Suối Ngò, Tân Châu	550				550		0	0	
11	NC đườngapse 2dầntô 3apse Hiệp Phước xã Hòa Thạnh	xã Hòa Thạnh, Châu Thành	160				160		48	30	

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tinh(*)	NS huyện	NS xã	Lòng ghép	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	
13	Đường tố 8 áp Bên Cầu	xã Biên Giới, Châu Thành	60						60	18	30
14	Đường tố 05 áp Bưng Rò	xã Hòa Hội, Châu Thành	500						500	150	30
15	Đường Cây Gỗ áp Nam Bên Sỏi	xã Thành Long, Châu Thành	560						560	168	30
16	Đường Bầu Cây Giáo đi bên Lò than áp Bên Cù	xã Ninh Diên, Châu Thành	120						120	36	30
17	Đường Xóm Mía đi khu đồng bào Dân tộc	xã Ninh Diên, Châu Thành	170						170	51	30
18	Đường 786 đến Bầu Tháy Rùa	xã Ninh Diên, Châu Thành	230						230	69	30
19	NC Đường từ ngã ba Lò than đi áp Phước Trung	xã Phước Vinh, Châu Thành	500						500	150	30
20	NC sỏi đỏ đường nhánh áp Phước Đông	xã Phước Chi, Trảng Bàng	26						26	0	0
21	NC sỏi đỏ đường BG 2	xã Phước Chi, Trảng Bàng	94						94	0	0
6	Võn Chương trình 135		7.546						7.546	6.000	80
6.1	Công trình chuyển tiếp		376						376	0	0
1	NC sỏi đỏ đường nhánh áp Phước Hưng 2	xã Phước Chi, Trảng Bàng	14						14	0	0
2	NC sỏi đỏ đường nhánh áp Phước Hưng 3	xã Phước Chi, Trảng Bàng	108						108	0	0
3	NC sỏi đỏ đường nối kênh A82	xã Phước Chi, Trảng Bàng	101						101	0	0
4	NC sỏi đỏ đường Rạch Me kênh A8	xã Phước Chi, Trảng Bàng	38						38	0	0
5	NC sỏi đỏ đường BG4	xã Phước Chi, Trảng Bàng	115						115	0	0
6.2	Công trình mới		7.170						7.170	6.000	84
1	Đường Tân Hòa 1 (láng nhựa)	xã Tân Hòa, Tân Châu	1.020						1.020	510	50
2	Đường vào văn phòng áp Tân Trung	xã Tân Hà, Tân Châu	980						980	490	50
3	NC đường Rạch Lùng	xã Hòa Thạnh, Châu Thành	800						800	800	100
4	NC đường tố 2 đến tố 3 áp Hiệp Phước	xã Hòa Thạnh, Châu Thành	250						250	250	100
5	Đường tố 8 áp Bên Cầu	xã Biên Giới, Châu Thành	900						900	900	100
6	Nối đường Voi tre ra Vành Sóc Ông áp Hòa Bình	xã Hòa Hội, Châu Thành	510						510	510	100
7	Nối đường Tà Ben vào cây Sập áp Hòa Bình	xã Hòa Hội, Châu Thành	350						350	350	100
8	Đường tố 05 áp Bưng Rò	xã Hòa Hội, Châu Thành	160						160	160	100
9	Đường từ tố 2 áp Thành Đông đến Bầu Tà Ôn	xã Thành Long, Châu Thành	902						902	902	100
10	Đường hèm số 3 áp Thành Trung	xã Thành Long, Châu Thành	80						80	80	100
11	Đường Cây Gỗ áp Nam Bên Sỏi	xã Thành Long, Châu Thành	28						28	28	100
12	Đường Bầu Cây Giáo đi bên Lò than áp Bên Cù	xã Ninh Diên, Châu Thành	810						810	810	100
13	Đường Xóm Mía đi khu đồng bào Dân tộc	xã Ninh Diên, Châu Thành	210						210	210	100
14	NC sỏi đỏ áp Phước Bình	xã Phước Chi, Trảng Bàng	170						170	0	0
II	THUÝ LỢI		7.406	5.110	966	0	1.330	2.059		28	
1	Võn tinh hỗ trợ mục tiêu XDNTM		5.110	5.110					1.700	33	
1	Kênh tiêu Bầu mồi áp Long Thịnh	xã Long Khánh, Bên Cầu	1.300	1.300					650	50	
2	Bê tông hóa kênh cấp 3	xã Tiên Thuận, huyện Bên Cầu	2.100	2.100					1.050	50	
3	Kênh N26-9-6-1	xã An Tịnh, Trảng Bàng	426	426					0	0	Tưới 20 ha

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tinh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	
4	Kênh N26-9-4	xã An Tịnh, Trảng Bàng	450		450				0	0
5	Kênh N26-8-2	xã An Tịnh, Trảng Bàng	160		160				0	Tưới 18 ha
6	Kênh N26-10-1	xã An Tịnh, Trảng Bàng	364		364				0	0
7	Kênh N26-8-4	xã An Tịnh, Trảng Bàng	310		310				0	Tưới 11 ha
2	Ngân sách huyện		946		946				240	25
1	Công Cây Da	xã Suối Ngô, Tân Châu	240		240				240	100
2	Sửa chữa công C54	xã Phước Chi, Trảng Bàng	145		145				0	chuyển nguồn
3	Kênh N22-2-0	xã Lộc Hưng, Trảng Bàng	105		105				0	chuyển nguồn
4	Kênh N24-7	xã Lộc Hưng, Trảng Bàng	167		167				0	chuyển nguồn
5	Kênh N26-9-3	xã An Tịnh, Trảng Bàng	69		69				0	chuyển nguồn
6	Kênh N26-6A	xã Lộc Hưng, Trảng Bàng	220		220				0	chuyển nguồn
	Ngân sách xã		20		20				20	100
1	Nạo vét mương thoát nước ấp Tân Tiên ra Suối nhỏ	xã Tân Phú, Tân Châu	20						20	100
4	Võn Chương trình 160		735		735				735	99 13
1	Nạo vét kênh tiêu Rạch Tre	xã Biên Giới, Châu Thành	330						330	99 30
2	Nạo vét kênh A81	xã Phước Chi, Trảng Bàng	130						130	0 0
3	Nạo vét kênh A82	xã Phước Chi, Trảng Bàng	129						129	0 0
4	Nạo vét kênh A82	xã Phước Chi, Trảng Bàng	146						146	0 0
5	Võn Chương trình 135		595		595				595	0 0
1	Nạo vét kênh KT3	xã Phước Chi, Trảng Bàng	65						65	0 0
2	Nạo vét kênh BH5	xã Phước Chi, Trảng Bàng	80						80	0 0
3	Nạo vét kênh trường học xã Phước Chi	xã Phước Chi, Trảng Bàng	90						90	0 0
4	Nạo vét Rạch Cây Me	xã Phước Chi, Trảng Bàng	170						170	0 0
5	Nạo vét kênh rạch Nhẫn	xã Phước Chi, Trảng Bàng	190						190	0 0
III	ĐIỆN		370		370				370	111 30
	Võn Chương trình 160		370		370				370	111 30
12	Điện thắp sáng ấp Hòa Hợp	xã Hòa Thạnh, Châu Thành	370						370	111 30
IV	CSVC TRƯỜNG HỌC		220.173	212.648	7.525				115.917	53
1	NS TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU		212.648	212.648					110.496	52
1.1	Kiên cố hóa trường lớp học		122.272	122.272					77.451	63
a	Công trình chuyên tiệp		96.402	96.402					68.630	71
1	Trường TH La Văn Cầu	xã Thạnh Tân, Thị xã	1.300	1.300					1.300	100 8 phòng
2	Trường TH Nguyễn Thái Bình	xã Bình Minh, Thị xã	500	500					500	100 10 phòng
3	Trường MN Suối Ngô	xã Suối Ngô, Tân Châu	50	50					50	100 1 phòng
4	Trường MN Thạnh Đông	xã Thạnh Đông, Tân Châu	2.750	2.750					2.750	100 8 phòng
5	Trường TH Tân Hiệp A	xã Tân Hiệp, Tân Châu	300	300					300	100 4 phòng

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	
6	Trường TH Tân Hưng C	xã Tân Hưng, Tân Châu	850		850				850	100
7	Trường TH Tân Hưng A	xã Tân Hưng, Tân Châu	70		70				70	100
8	Trường TH Thạnh Đông B	xã Thạnh Đông, Tân Châu	780		780				780	100
9	Trường TH Suối Ngô B	xã Suối Ngô, Tân Châu	1.390		1.390				1.390	100
10	Trường TH Thạnh Đông A	xã Thạnh Đông, Tân Châu	900		900				900	100
11	Trường TH Suối Ngô D	xã Suối Ngô, Tân Châu	2.340		2.340				2.340	100
12	Trường TH Tân Hiệp B	xã Tân Hiệp, Tân Châu	600		600				600	100
13	Trường MN Phước Minh	xã Phước Minh, D.M.Châu	400		400				400	100
14	Trường TH Thuận Hòa	xã Truông Mít, D.M.Châu	400		400				341	85
15	Trường TH Lộc Trung	xã Lộc Ninh, D.M.Châu	607		607				463	76
16	Trường TH Thuận Tân	xã Truông Mít, D.M.Châu	300		300				223	74
17	Trường TH Ninh Bình	xã Bàu Năng, D.M.Châu	700		700				667	95
18	Trường TH Phước Minh A	xã Phước Minh A, D.M.Châu	713		713				650	91
19	Trường TH Bên Cùi	xã Bên Cùi, D.M.Châu	320		320				311	97
20	Trường TH Cầu Khời B	xã Cầu Khời, D.M.Châu	347		347				324	93
21	Trường TH Thuận Bình	xã Truông Mít, D.M.Châu	500		500				390	78
22	Trường TH Ninh Hiệp	xã Bàu Năng, D.M.Châu	323		323				285	88
23	Trường TH Lộc Hiệp	xã Lộc Ninh, D.M.Châu	306		306				266	87
24	Trường THCS Bên Cùi	xã Bên Cùi, D.M.Châu	350		350				217	62
25	Trường TH Cầu Khời A	xã Cầu Khời, D.M.Châu	1.300		1.300				968	74
26	Trường TH Phước Bình B	xã Suối Đá, D.M.Châu	2.300		2.300				1.452	63
27	Trường MG Suối Đá	xã Suối Đá, D.M.Châu	5.000		5.000				4.135	83
28	Trường THCS xã Phan	xã Phan, D.M.Châu	4.900		4.900				4.210	86
29	Trường TH Phước Long	xã Phan, D.M.Châu	117		117				0	0
30	Trường THCS Chà Là	xã Chà Là, D.M.Châu	326		326				0	0
31	Trường MG Thái Bình	xã Thái Bình, Châu Thành	550		550				463	84
32	Trường TH Trí Bình	xã Trí Bình, Châu Thành	860		860				735	85
33	Trường TH Tân Long	xã Biên Giới, Châu Thành	200		200				137	69
34	Trường TH Bình Phong	xã Thái Bình, Châu Thành	1.000		1.000				765	77
35	Trường Tiểu học Bên Sỏi	xã Thành Long, Châu Thành	850		850				655	77
36	Trường TH Trà Sim	xã Ninh Điền, Châu Thành	300		300				175	59
37	Trường TH Bùi Xuân Quyên		300		300				162	54
38	Trường TH Cầu Trường	xã Hảo Đước, Châu Thành	260		260				152	58
39	Trường TH Hòa Hội	xã Hòa Hội, Châu Thành	50		50				13	26
40	Trường TH Giồng Nán	xã Long Vĩnh, Châu Thành	300		300				134	45
41	Trường TH Long Vĩnh	xã Long Vĩnh, Châu Thành	450		450				295	66

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	
42	Trường TH Hòa Thạnh	xã Hòa Thạnh, Châu Thành	470		470				325	69
43	Trường MG Hào Đức	xã Hào Đức, Châu Thành	77		77				49	64
44	Trường MG Long Vĩnh	xã Long Vĩnh, Châu Thành	126		126				0	3 phòng
45	Trường TH Thanh Thuận	xã Thanh Điền, Châu Thành	154		154				0	01 phòng
46	Trường MG Thành Long	xã Thành Long, Châu Thành	144		144				122	79
47	Trường TH Đỗ Tân Nhiên	xã An Bình, Châu Thành	97		97				104	72
48	Trường TH Phạm Tự Điểm		125		125				72	74
49	Trường TH Phạm Văn Nô		128		128				91	73
50	Trường TH Bên Tường		140		140				89	70
51	Trường TH Biên Giới	xã Biên Giới, Châu Thành	75		75				0	04 phòng
52	Trường TH Hoàng Lê Kha	xã Thái Bình, Châu Thành	3		3				0	02 phòng
53	Trường TH Thanh Trung	xã Thanh Điền, Châu Thành	3		3				0	04 phòng
54	Trường TH Cây Xêng	xã Đồng Khởi, Châu Thành	354		354				0	04 phòng
55	Trường TH Phước Thạnh	xã Phước Vinh, Châu Thành	4		4				0	06 phòng
56	Trường TH Thành Bắc	xã Thành Long, Châu Thành	4		4				0	06 phòng
57	Trường TH Bên Cù	xã Ninh Điền, Châu Thành	10		10				0	08 phòng
58	Trường TH Gò Nói	xã Ninh Điền, Châu Thành	1.220		1.220				0	012 phòng
59	Trường MN Hiệp Tân	xã Hiệp Tân, Hòa Thành	132		132				0	012 phòng
60	Trường TH Hiệp Tân A	xã Hiệp Tân, Hòa Thành	750		750				0	HT
61	Trường TH Hiệp Tân B	xã Hiệp Tân, Hòa Thành	831		831				0	đang thi công
62	Trường TH Đoàn Thị Điểm	xã L.T.Trung, Hòa Thành	137		137				0	đang thi công
63	Trường TH Trường Đông A	xã Trường Đông, Hòa Thành	3.400		3.400				0	HT
64	Trường TH Lê Thị Hồng Gấm	xã Trường Tây, Hòa Thành	383		383				1.933	57
65	Trường TH Phạm Ngũ Lão	xã L.T.Trung, Hòa Thành	2.250		2.250				0	HT
66	Trường TH Triệu Thị Trinh	xã Trường Tây, Hòa Thành	3.200		3.200				1.790	79 HT
67	Trường TH Long Thành Bắc B	xã Long Thành Bắc, Hòa Thành	2.600		2.600				2.431	75 HT
68	Trường TH Long Thới	xã L.T.Trung, Hòa Thành	3.870		3.870				2.131	81 HT
69	Trường TH Trường Đông A	xã Trường Đông, Hòa Thành	1.500		1.500				1.539	39 HT
70	Trường TH Trường Hòa A	xã Trường Hòa, Hòa Thành	400		400				488	32 đang thi công
71	Trường TH Trường Đông D	xã Trường Đông, Hòa Thành	469		469				400	100 HT
72	Trường TH Trường Tây C	xã Trường Tây, Hòa Thành	361		361				466	99
73	Trường TH Trường Hòa C	xã Trường Hòa, Hòa Thành	227		227				361	100
74	Trường TH Trường Tây B	xã Trường Tây, Hòa Thành	455		455				173	76
75	Trường THCS Trường Hòa	xã Trường Hòa, Hòa Thành	935		935				301	66
76	Trường THCS Trung Vương		95		95				0	0chuyển nguồn
77	Trường TH Lê Lai		1.084		1.084				0	0chuyển nguồn

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	
78	Trường THCS Long Thành Bắc	xã Long Thành Bắc, Hòa Thành	797		797				0	0 chuyền nguồn
79	Trường MG Phước Đông	xã Phước Đông, Gò Dầu	5.000		5.000				2.100	42 HT
80	Trường THCS Phước Đông	xã Phước Đông, Gò Dầu	7.000		7.000				2.300	33 HT
81	Trường MN Thạnh Đức	xã Thạnh Đức, Gò Dầu	100		100				100	100
82	Trường MG Bàu Đồn	xã Bàu Đồn, Gò Dầu	343		343				130	38
83	Trường MG Thanh Phước	xã Thanh Phước, Gò Dầu	120		120				120	100
84	Trường MG Phước Thạnh	xã Phước Thạnh, Gò Dầu	160		160				160	100
85	Trường Mẫu giáo Long Khánh	xã Long Khánh, Bên Cầu	140		140				140	100
86	Trường TH Long Chữ A	xã Long Chữ, Bên Cầu	100		100				100	100
87	Trường TH Long Thuận A	xã Long Thuận, Bên Cầu	700		700				700	100
88	Trường TH Long Phước	xã Long Phước, Bên Cầu	200		200				200	100 6 phòng
89	Trường MG Hưng Thuận	xã Hưng Thuận, Trảng Bàng	2.400		2.400				2.400	100 4 phòng
90	Trường MG Đôn Thuận	xã Đôn Thuận, Trảng Bàng	2.380		2.380				2.380	100 8 phòng
91	Trường TH An Lợi	xã An Hòa, Trảng Bàng	1.800		1.800				1.800	100 6 phòng
92	Trường TH An Phú	xã An Hòa, Trảng Bàng	3.450		3.450				3.450	100 14 phòng
93	Trường TH Bình Nguyên	xã Gia Bình, Trảng Bàng	3.330		3.330				3.330	100 12 phòng
94	Trường TH An Phú Khrong	xã An Tịnh, Trảng Bàng	2.860		2.860				2.860	100 10 phòng
95	Trường TH Tân Châu	xã Lộc Hưng, Trảng Bàng	2.560		2.560				2.560	100 10 phòng
96	Trường TH Bùng Bình	xã Đôn Thuận, Trảng Bàng	35		35				0	0 4 phòng
97	Trường TH Tịnh Phong	xã An Tịnh, Trảng Bàng	33		33				0	0
98	Trường MG Lộc Hưng	xã Lộc Hưng, Trảng Bàng	14		14				0	0 3 phòng
99	Trường TH Xóm Sóc	xã Gia Lộc, Trảng Bàng	32		32				0	0 2 phòng
100	Trường TH Trung Lập	xã Phước Chi, Trảng Bàng	69		69				0	0 6 phòng
101	Trường TH An Quới	xã An Hòa, Trảng Bàng	117		117				117	100 10 phòng
102	Trường TH Phước Lưu	xã Phước Lưu, Trảng Bàng	156		156				0	0 16 phòng
103	Trường TH Hưng Mỹ	xã Phước Chi, Trảng Bàng	9		9				0	0 6 phòng
104	Trường TH Hòa Bình	xã An Hòa, Trảng Bàng	52		52				0	0 6 phòng
105	Trường TH Thuận Lợi	xã Đôn Thuận, Trảng Bàng	73		73				0	0 4 phòng
b	Công trình mới		25.870		25.870				8.821	34
1	Trường TH Trà Vong D	xã Trà Vong, Tân Biên	770		770				0	0
2	Trường THCS Trà Vong	xã Trà Vong, Tân Biên	2.310		2.310				1.105	48
3	Trường MG Thạnh Bình B	xã Thạnh Bình, Tân Biên	870		870				369	42
4	Trường TH Thạnh Bình A	xã Thạnh Bình, Tân Biên	1.640		1.640				722	44
5	Trường TH Thạnh Bình C	xã Thạnh Bình, Tân Biên	1.080		1.080				476	44
6	Trường TH Thạnh Phước	xã Thạnh Bình, Tân Biên	340		340				0	0
7	Trường MG Thạnh Bắc B	xã Thạnh Bắc, Tân Biên	1.470		1.470				0	0

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	
5	Trường TH Thạnh Bình C	xã Thạnh Bình, Tân Biên	1.080		1.080				476	44	
6	Trường TH Thạnh Phước	xã Thạnh Bình, Tân Biên	340		340				0	0	
7	Trường MG Thạnh Bắc B	xã Thạnh Bắc, Tân Biên	1.470		1.470				0	0	
8	Trường THCS Thạnh Hiệp	xã Thạnh Bắc, Tân Biên	1.520		1.520				704	46	
9	Trường TH Thạnh Bắc B	xã Thạnh Bắc, Tân Biên	2.460		2.460				1.075	44	
10	Trường TH Tân Bình	xã Tân Bình, Tân Biên	2.365		2.365				0	0	
11	Trường TH Tân Thạnh	xã Tân Bình, Tân Biên	780		780				0	0	
12	Trường TH Thạnh Trung	xã Thạnh Tây, Tân Biên	2.180		2.180				0	0	
13	Trường TH Hòa Đông	xã Hòa Hiệp, Tân Biên	740		740				0	0	
14	Trường Mầm non Xa Mát 2	xã Tân Lập, Tân Biên	1.475		1.475				0	0	
15	Trường TH Gia Bình	xã Gia Bình, Trảng Bàng	2.900		2.900				1.660	57	6 phòng
16	Trường TH Huỳnh Lâm Tân	xã Gia Lộc, Trảng Bàng	1.650		1.650				1.610	98	8 phòng
17	Trường TH Nguyễn Văn Cháu	xã Lộc Hưng, Trảng Bàng	1.320		1.320				1.100	83	15 phòng
1.2	Hỗ trợ xây dựng trường đạt chuẩn QG		90.376		90.376				33.045	37	
a	Công trình chuyển tiếp		34.876		34.876				23.478	67	
1	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	xã Bình Minh, Thị xã	4.200		4.200				4.200	100	HT
2	Trường Mẫu Giáo Hoa Mai	xã Thạnh Tân, Thị xã	3.600		3.600				3.600	100	HT
3	Trường TH Trương Định	xã Ninh Sơn, Thị xã	4.200		4.200				1.800	43	HT
4	Trường THCS Tân Phong	xã Tân Phong, Tân Biên	179		179				44	25	
5	Trường MN Suối Ngô	xã Suối Ngô, Tân Châu	50		50				50	100	HT
6	Trường MN Thạnh Đông	xã Thạnh Đông, Tân Châu	2.750		2.750				2.750	100	HT
7	Trường TH Tân Hiệp A	xã Tân Hiệp, Tân Châu	300		300				300	100	HT
8	Trường TH Tân Hưng C	xã Tân Hưng, Tân Châu	850		850				850	100	HT
9	Trường TH Tân Hưng A	xã Tân Hưng, Tân Châu	70		70				70	100	HT
10	Trường TH Thạnh Đông B	xã Thạnh Đông, Tân Châu	780		780				780	100	HT
11	Trường TH Suối Ngô B	xã Suối Ngô, Tân Châu	1.390		1.390				1.390	100	HT
12	Trường TH Thạnh Đông A	xã Thạnh Đông, Tân Châu	900		900				900	100	HT
13	Trường TH Suối Ngô D	xã Suối Ngô, Tân Châu	2.340		2.340				2.340	100	HT
14	Trường TH Tân Hiệp B	xã Tân Hiệp, Tân Châu	600		600				600	100	HT
15	Trường TH Bình Phong	xã Thái Bình, Châu Thành	3.800		3.800				1.946	51	
16	Trường TH Thanh Hùng	xã Thanh Điền, Châu Thành	4.200		4.200				1.858	44	
17	Trường TH Thanh Hòa	xã Thanh Điền, Châu Thành	4.000		4.000				0	0	
18	Trường TH An Hội	xã An Hòa, Trảng Bàng	667		667				0	0	
b	Công trình mới		55.500		55.500				9.567	17	
1	Trường MG Trà Vong	xã Trà Vong, Tân Biên	5.940		5.940				0	0	
2	Trường MG Thạnh Bình	xã Thạnh Bình, Tân Biên	6.060		6.060				1.808	30	

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	
3	Trường MN Thạnh Đông	xã Thạnh Đông, Tân Châu	4.000		4.000				0	0	
4	Trường THCS Tân Đông	xã Tân Đông, Tân Châu	2.000		2.000				0	0	
5	Trường TH Thạnh Đông A	xã Thạnh Đông, Tân Châu	6.000		6.000				0	0	
6	Trường THCS Long Khánh	xã Long Khánh, Bến Cầu	12.000		12.000				6.000	50	
7	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	xã L.T.Trung, Hòa Thành	4.000		4.000				0	0	
8	Trường TH Phạm Ngũ Lão	xã L.T.Trung, Hòa Thành	3.500		3.500				0	0	
9	Trường TH An Thành	xã An Tịnh, Trảng Bàng	5.000		5.000				1.759	35	
10	Trường MG Rạng Đông	xã An Tịnh, Trảng Bàng	7.000		7.000				0	0	
2	NGÂN SÁCH HUYỆN		7.525		7.525				5.421	72	
2.1	Công trình chuyển tiếp		3.015		3.015				2.992	99	
1	Trường MN Nước Trong	xã Tân Hội, Tân Châu	775		775				775	100	HT
2	Hàng rào Trường MG An Bình	xã An Bình, Châu Thành	12		12				12	100	
3	Trường TH Thành Bắc	xã Thành Long, Châu Thành	174		174				174	100	8 phòng
4	Trường TH Thanh Trung	xã Thanh Điền, Châu Thành	87		87				87	100	4 phòng
5	Trường TH Phước Thạnh	xã Phước Vinh, Châu Thành	126		126				126	100	6 phòng
6	Trường TH Bến Cù	xã Ninh Điền, Châu Thành	59		59				59	100	
7	Trường TH Hoàng Lê Kha	xã Thái Bình, Châu Thành	67		67				67	100	
8	KVS giáo viên trường THCS Thành Long	xã Thành Long, Châu Thành	40		40				40	100	
9	SLMB, cổng, hàng rào trường TH Hòa Thạnh	xã Hòa Thạnh, Châu Thành	500		500				500	100	
10	Trường THCS Long Chữ	xã Long Chữ, Bến Cầu	500		500				500	100	
11	Trường Mẫu giáo Long Khánh (Hàng rào, sân nền)	xã Long Khánh, Bến Cầu	275		275				275	100	
12	Cổng, hàng rào trường MG Bông Hồng	xã An Hòa, Trảng Bàng	367		367				344	94	
13	Sửa chữa trường THCS Bình Thạnh	xã Bình Thạnh, Trảng Bàng	33		33				33	100	
2.2	Công trình mới		4.510		4.510				2.429	54	
1	Trường TH Tân Thành B (cổng, hàng rào, nhà vệ sinh)	xã Tân Thành, Tân Châu	255		255				0	0	
2	Cổng, hàng rào trường TH Đỗ Tất Nhiên	xã An Bình, Châu Thành	18		18				18	100	
3	Cổng, hàng rào trường THCS Hào Đức	xã Hào Đức, Châu Thành	73		73				73	100	
4	Cổng, hàng rào trường MG Hào Đức	xã Hào Đức, Châu Thành	14		14				14	100	
5	Xây mới nhà bếp, nhà ăn Trường TH Cầu Khoi A	xã Cầu Khoi, D.M.Châu	1.115		1115				970	87	
6	Xây mới hàng rào 03 mặt Trường THCS Suối Đá	xã Suối Đá, D.M.Châu	475		475				474	100	
7	Xây mới cổng, hàng rào, SLMB Trường TH Lộc Ninh	xã Lộc Ninh, D.M.Châu	410		410				323	79	
8	SLMB trường MN Hiệp Tân B	xã Hiệp Tân, Hòa Thành	950		950				557	59	
9	Trường Mầm Non Hiệp Định	xã Hiệp Tân, Hòa Thành	1.200		1200				0	0	
V	TRẠM Y TẾ		40.021		40.021				25.518	64	
1	Công trình chuyển tiếp		18.971		18.971				16.926	89	
1	Trạm y tế xã Tân Bình	Thị xã	700		700				700	100	HT

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	
5	Trạm y tế xã Tân Hội	Tân Châu	1.000		1.000				1.000	100 HT
6	Trạm y tế xã Tân Đông	Tân Châu	1.500		1.500				1.500	100 HT
7	Trạm Y tế xã Long Vinh	Châu Thành	950		950				950	100
8	Trạm Y tế xã Phước Vinh	Châu Thành	600		600				600	100
9	Trạm Y tế xã Hòa Hội	Châu Thành	400		400				400	100
10	Trạm Y tế xã Đồng Khởi	Châu Thành	400		400				400	100
11	Trạm Y tế xã Hòa Thành	Châu Thành	600		600				600	100
12	Trạm y tế xã Thành Long	Châu Thành	40		40				40	100
13	Trạm y tế xã Chà là	D.M.Châu	56		56				56	100
14	Trạm y tế xã Phước Minh	D.M.Châu	107		107				0	0
15	Trạm y tế xã Phước Ninh	D.M.Châu	222		222				76	34
16	Trạm y tế xã Phan	D.M.Châu	126		126				99	79
17	Trạm y tế xã Bên Cùi	D.M.Châu	138		138				106	77
18	Trạm Y tế xã Thạnh Đức	Gò Dầu	109		109				109	100
19	Trạm Y tế xã Cám Giang	Gò Dầu	146		146				146	100
20	Trạm Y tế xã Hiệp Thành	Gò Dầu	98		98				98	100
21	Trạm Y tế xã Phước Thành	Gò Dầu	252		252				252	100
22	Trạm Y tế xã Thanh Phước	Gò Dầu	259		259				259	100
23	Trạm Y tế xã Phước Đông	Gò Dầu	201		201				201	100
24	Trạm Y tế xã Lợi Thuận	Bên Cầu	400		400				200	100
25	Trạm Y tế xã Long Giang	Bên Cầu	700		700				350	100
26	Trạm Y tế xã Hiệp Tân	Hòa Thành	177		177				177	100
27	Trạm Y tế xã Trường Hòa	Hòa Thành	7		7				7	100
28	Trạm Y tế xã Lộc Hưng	Trảng Bàng	2.030		2.030				2.030	100
29	Trạm Y tế xã Phước Lưu	Trảng Bàng	1.780		1.780				1.780	100
30	Trạm Y tế xã Gia Bình	Trảng Bàng	1.790		1.790				1.790	100
31	Trạm Y tế xã Đôn Thuận	Trảng Bàng	1.400		1.400				1.400	100
32	Trạm Y tế xã Phước Chi	Trảng Bàng	95		95				0	0
33	Trạm Y tế xã An Tịnh	Trảng Bàng	152		152				0	0
34	Trạm Y tế xã Gia Lộc	Trảng Bàng	136		136				0	0
2	Công trình mới		21.050		21.050				8.592	41
1	Trạm y tế xã Ninh Thành	Thị xã	900		900				450	50
2	Trạm y tế xã Bình Minh	Thị xã	700		700				300	43
3	Trạm y tế xã Tân Hring	Tân Châu	1.200		1.200				0	0
4	Trạm Y tế xã An Cơ	Châu Thành	2.300		2.300				748	33
5	Trạm Y tế xã An Bình	Châu Thành	3.600		3.600				1.169	32

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013					THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tinh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	
6	Trạm Y tế xã Hảo Đức	Châu Thành	3.400		3.400				873	26
7	Trạm Y tế xã Trí Bình	Châu Thành	1.950		1.950				0	0
8	Trạm y tế xã Suối Đá	D.M.Châu	2.000		2.000				163	8
9	Trạm y tế xã L.T.Trung	Hòa Thành	1.800		1.800				1.788	99
10	Trạm y tế xã Long Thành Bắc	Hòa Thành	1.550		1.550				1.529	98
11	Trạm y tế xã Trường Tây	Hòa Thành	1.650		1.650				1.572	95
VI	CSVC VĂN HÓA		1.140		1.140				139	12
1	Nhà văn hoá thể thao ấp Thạnh Nghĩa	xã Thạnh Đông, Tân Châu	500		500				0	0
2	Nhà văn hoá thể thao ấp Tân Trung B	xã Tân Hưng, Tân Châu	500		500				0	0
3	Trung tâm VHTT-HTCĐ	xã Đông Khởi, Châu Thành	90		90				90	100
4	Hàng rào Trung tâm VHTT-HTCĐ	xã Long Vinh, Châu Thành	50		50				49	98
VI	TRỤ SỞ XÃ VÀ CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ		39.864	19.087	20.777				31.491	79
1	Vốn tĩnh hỗ trợ mục tiêu		19.087	19.087					16.778	88
1	Hội trường UBND	xã An Bình, Châu Thành	450		450				450	100
2	Nâng cấp trụ sở UBND	xã Trí Bình, Châu Thành	3.000		3.000				745	745
3	Cải tạo mở rộng trụ sở UBND	xã Thái Bình, Châu Thành	1.400		1.400				1.394	25
4	Nâng cấp trụ sở UBND	xã Thành Long, Châu Thành	1.000		1.000				962	96
5	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND	xã Bàu Đôn, Gò Dầu	4.600		4.600				4.600	100 HT
6	Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND	xã Phước Đông, Gò Dầu	4.637		4.637				4.627	100 HT
7	Trụ sở Đảng ủy, HĐND -UBND	xã Phước Thạnh, Gò Dầu	4.000		4.000				4.000	100 HT
2	Ngân sách huyện		20.777		20.777				14.713	71
a	Công trình chuyên tiệp		9.623		9.623				8.873	92
1	Trụ sở làm việc UBND xã	xã Tân Thành, Tân Châu	600		600				600	100
5	Hội trường UBND	xã Trí Bình, Châu Thành	23		23				23	100
6	Nhà làm việc công an xã	xã Trí Bình, Châu Thành	19		19				19	100
7	Mặt bằng trụ sở UBND	xã Đông Khởi, Châu Thành	16		16				16	100
8	Nhà làm việc xã đội	xã Hòa Hội, Châu Thành	300		300				300	100
9	Hội trường UBND	xã Ninh Diên, Châu Thành	800		800				800	100
10	Hội trường UBND	xã An Cơ, Châu Thành	1.000		1.000				987	99
11	Hội trường UBND	xã Long Vinh, Châu Thành	600		600				600	100
12	Hội trường UBND	xã Hảo Đức, Châu Thành	250		250				238	95
13	SLMB phía sau trụ sở xã	xã Hảo Đức, Châu Thành	750		750				275	37
14	Hội trường UBND	xã Biên Giới, Châu Thành	600		600				600	100
15	Nhà làm việc công an, đoàn thê	xã Thanh Diên, Châu Thành	620		620				620	100
16	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND	xã Thạnh Đức, Gò Dầu	260		260				260	100
17	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND	xã Hiệp Thạnh, Gò Dầu	3.000		3.000				3.000	100
18	Hội trường UBND	xã Long Thuận, Bên Cầu	500		500				250	50

STT	Công trình	ĐỊA ĐIỂM	Kế hoạch vốn năm 2013						THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
			Tổng	TW hỗ trợ	NS tỉnh(*)	NS huyện	NS xã	Lồng ghép	Giải ngân	Tỷ lệ (%)	
19	Nhà làm việc xã đội	xã Long Thuận, Bên Cầu	250			250			250	100	
20	KVS Trụ sở UBND	xã Long Giang, Bên Cầu	35			35			35	100	
b	Công trình mới		11.154		11.154				5.840	52	
1	XD trụ sở BCH Quân sự và HT	xã Tân Bình, Thị xã	1.800		1.800				1.800	100	
2	Nhà làm việc công an xã đội	xã Truông Mít, D.M.Châu	500		500				477	95	
3	Nhà làm việc công an, xã đội	xã Tân Hưng, Tân Châu	1.000		1.000				500	50	
4	Nhà làm việc công an, xã đội	xã Tân Hội, Tân Châu	1.500		1.500				750	50	
5	Nhà làm việc công an, xã đội	xã Tân Phú, Tân Châu	1.000		1.000				500	50	
6	Xây dựng Văn phòng 6 ấp	6 ấp mới thành lập, Hòa Thành	3.000		3.000				544	18	
7	Nhà làm việc xã đội	xã Trường Hòa, Hòa Thành	350		350				350	100	
8	Nhà làm việc xã đội	xã L.T.Trung, Hòa Thành	350		350				350	100	
9	Sửa chữa trụ sở UBND	xã Long Thành Bắc, Hòa Thành	434		434				350	100	
10	Nhà làm việc khối vận	xã L.T.Trung, Hòa Thành	800		800				149	34	
11	Nhà làm việc đoàn thê	xã Đôn Thuận, Trảng Bàng	420		420				0	0	
IX	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC SẠCH TẬP TRUNG		12.912						12.912	1.188	Vốn 9 CTMTQG NS&VSMT
1	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Tân Đông	xã Tân Thành, Tân Châu	1.000						1.000	300	30
2	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Tân Thuận	xã Tân Hòa, xã Tân Hòa	1.000						1.000	28	3
3	Sửa chữa HTCN ấp Hiệp Bình	xã Hòa Thành, Châu Thành	500						500	36	7
4	Sửa chữa HTCN ấp Bên Cầu	xã Biên Giới, Châu Thành	1.500						1.500	96	6
5	Sửa chữa HTCN ấp Long Châu	xã Long Khánh, Bên Cầu	1.212						1.212	94	8
6	Nâng cấp HTCN ấp Rừng Dầu	xã Tiên Thuận, Bên Cầu	1.000						1.000	78	8
7	Nâng cấp HTCN ấp Thuận Tâm	xã Lợi Thuận, Bên Cầu	1.000						1.000	0	0
8	Nâng cấp HTCN ấp Bình Hòa 2	xã Bình Thạnh, Trảng Bàng	2.000						2.000	450	23
9	Sửa chữa HTCN ấp Bình Quới	xã Bình Thạnh, Trảng Bàng	1.000						1.000	0	0
10	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Phước Bình	xã Phước Chi, Trảng Bàng	700						700	0	0
11	Sửa chữa HTCN ấp Long Thới	xã L.T.Trung, Hòa Thành	500						500	46	9
12	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thạnh Trung	xã Thạnh Tây, Tân Biên	1.000						1.000	28	3
13	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thạnh Thợ	xã Thạnh Bình, Tân Biên	500						500	32	6

*NS tỉnh: bao gồm vốn NS tỉnh và vốn vay ưu đãi

**Phụ lục 3.2. TỔNG HỢP NGUỒN LỰC HUY ĐỘNG TỪ DOANH NGHIỆP VÀ NHÂN DÂN
THAM GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2012**

ĐVT: tr.đồng

STT	TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	LOẠI CÔNG TRÌNH	ĐVT	KHÓI LƯỢNG	ĐỊA ĐIỂM	KINH PHÍ		GHI CHÚ
						DN/TỔ CHỨC	NHÂN DÂN	
1	Nhân dân	đường GTNT	m		xã Thạnh Tân, Thị xã		55	
2	Nhân dân	Đèn chiếu sáng			xã Thạnh Tân, Thị xã		60	
3	Công ty phân bón Lorgrir (TP.HCM)	Trường học	phòng	3	xã Ninh Sơn, Thị xã	1.000		
4	Doanh nghiệp, Chùa Núi Bà	Nhà Đại đoàn kết	căn	17	xã Ninh Sơn, Thị xã	528		
5	Công ty điện lạnh RI (TP.HCM)	Trường học	phòng	4	xã Bình Minh	1.000		
6	BCH QS tỉnh	Nhà Đại đoàn kết	căn	7	xã Bình Minh, Thị xã	210		
7	Công ty Khoai mì	Hội trường UBND xã			xã Tân Bình, Thị xã	500		
8	Nhân dân	Đèn chiếu sáng			xã Tân Bình, Thị xã		50	
9	Nhân dân	đường GTNT			xã Tân Bình, Thị xã		15	
10	Nhân dân	Nhà Đại đoàn kết	căn	11			308	
11	Nhân dân	Đèn chiếu sáng			xã Ninh Thạnh, Thị xã		20	
12	Nhân dân	Nhà Đại đoàn kết	căn	3	xã Ninh Thạnh, Thị xã		84	
13	Nhân xã Tân Hội	Lắp đặt trạm biến áp	trạm	5	xã Tân Hội, Tân Châu		1.700	
14	DN Mai Vàng	đường GTNT	m	1.000	xã Tân Đông, Tân Châu	500		BTXM
15	Trang trại Thanh Bình	đường GTNT	m	800	xã Tân Đông, Tân Châu	800		
16	Nhân dân	đường GTNT	m	5050	xã Suối Dây, Tân Châu		98	5 tuyến
17	Nhân dân	đường GTNT	m	2.050	xã Tân Hòa, Tân Châu		30	dặm vá 2 tuyến
18	Ông Lý Văn Ân	đường GTNT	m	600	xã Hiệp Tân, Hòa Thành		500	
19	DNTN Thanh Nhàn	đường GTNT	m	300	xã Hiệp Tân, Hòa Thành		350	
20	Nhà máy đường Biên Hòa	kênh nội đồng	m	4.500	xã Phan, DMC	138		nạo vét kênh Suối Tre
21	Nhân dân	đường GTNT	m		xã Phan, DMC		190	11 tuyến
22	Nhân dân	đường GTNT	m		xã Bến Củi, DMC		80	
23	Ông Trần Phong Ánh	đường GTNT			xã Trà Vong, Tân Biên		670	cầu Sắt
24	Nhân dân	Nhà Đại đoàn kết	căn	6	xã Phước Đông, Gò Dầu		172	
25	Nhân dân	đường GTNT	m	820	xã Suối Dây, Tân Châu		330	Đường lô 3 áp 1
26	Nhân dân	đường GTNT	m	580	xã Tân Hoà, Tân Châu		86	Đường số 2 (giai đoạn 1)
27	Nhân dân	đường GTNT	m	446	xã Tân Đông, Tân Châu		201	Đường ấp Đông Hà

STT	TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	LOẠI CÔNG TRÌNH	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐỊA ĐIỂM	KINH PHÍ		GHI CHÚ
						DN/TỔ CHỨC	NHÂN DÂN	
28	Nhân dân	đường GTNT	m	2100	xã Tân Thành, Tân Châu		555	Đường số 16
29	Nhân dân	đường GTNT	m	1200	xã Tân Phú, Tân Châu		394	Đường KDC áp Tân Tiến
30	Nhân dân	đường GTNT	m	571	xã Tân Hà, Tân Châu		129	Đường áp Tân Dũng
31	Nhân dân	đường GTNT	m	940	xã Tân Hội, Tân Châu		307	Đường 18-18 áp Hội An
32	Nhân dân	đường GTNT	m	430	xã Tân Hiệp, Tân Châu		163	Đường áp Thạnh An
33	Nhân dân	đường GTNT	m	890	xã Suối Ngô, Tân Châu		242	Đường áp 2
34	Nhân dân	đường GTNT	m	593	xã Tân Hoà , Tân Châu		132	Đường Tân Hòa 11
35	Nhân dân	đường GTNT	m	586m	xã Tân Đông, Tân Châu		604	Đường DH12
	TỔNG					4.676	7.525	

Phụ lục 4. HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	KH vốn năm 2013	Giải ngân (6 tháng đầu năm 2013)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Vốn huy động	545.477			
1	Vốn ngân sách	533.276			
-	TW hỗ trợ trực tiếp	15.031			561 tr.đ năm 2012 chuyển sang
-	Tỉnh	404.891			
-	Huyện	71.140			
-	Xã	2.204			
-	Lồng ghép	40.010			
2	Doanh nghiệp	4.676			
3	Dân góp	7.525			
II	Thực hiện	545.477	272.915	50	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng	523.003	267.327	51	
-	Giao thông	195.847	85.634	43	
-	Thủy lợi	7.544	2.197	29	
-	Điện	2.200	1.941	88	
-	Trường học	222.173	117.917	56	
-	Trạm y tế xã	40.021	25.518	63	
-	Cở sở vật chất văn hóa	1.140	139	12	
-	Nhà ở	1.302	1.302	100	
-	Trụ sở xã và CT phụ trợ	39.864	31.491	79	
-	Môi trường	12.912	1.188	9	
2	Phát triển sản xuất	7.986	4.016	50	
3	Tuyên truyền, vận động	3.706	666	2	
4	Đào tạo, tập huấn	1.082	51	5	
5	Dạy nghề cho lao động	9.630	849	8.82	
6	Quản lý	70	6	1	

Phụ lục 5.1. KẾT QUẢ ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI QUA 02 NĂM THỰC HIỆN

TT	Phân theo nhóm	Thực hiện tiêu chí NTM	Kết quả năm 2012 (số xã)				Thực hiện 6 tháng đầu năm 2013 (số xã)				So sánh 6 tháng đầu năm 2013 với năm 2012 (số xã)			
			82 xã	25 xã điểm	17 xã(*)	9 xã (**)	82 xã	25 xã điểm	17 xã	9 xã	82 xã	25 xã điểm	17 xã	9 xã
		TỔNG SỐ	82	25	17	9	82	25	17	9				
1	Nhóm 1	Xã đạt 19 tiêu chí NTM												
2		Xã đạt 18 tiêu chí NTM												
3		Xã đạt 17 tiêu chí NTM												
4		Xã đạt 16 tiêu chí NTM												
5		Xã đạt 15 tiêu chí NTM												
6	Nhóm 2	Xã đạt 14 tiêu chí NTM	1	1	1	1	1	1	1	1	+00	+00	+00	+00
7		Xã đạt 13 tiêu chí NTM	1	1	1	1	1	1	1	1	+00	+00	+00	+00
8		Xã đạt 12 tiêu chí NTM					1	1	1		+01	+01	+01	
9		Xã đạt 11 tiêu chí NTM	2	2	2	1	1	1	1	1	-01	-01	-01	-01
10		Xã đạt 10 tiêu chí NTM	3	2	1		5	4	3	2	+02	+02	+01	+02
11	Nhóm 3	Xã đạt 9 tiêu chí NTM	2	2	2	2	7	5	4	1	+05	+03	+02	-01
12		Xã đạt 8 tiêu chí NTM	5	4	2		12	1			+07	-04		
13		Xã đạt 7 tiêu chí NTM	12	4	3	1	15	3	2		+03	-01	-01	
14		Xã đạt 6 tiêu chí NTM	9	5	5	3	23	7	4	3	+12	+02	+01	
15		Xã đạt 5 tiêu chí NTM	24	2			10				+14	+01		
16	Nhóm 4	Xã đạt 4 tiêu chí NTM	17	2			5	1			-12	+01		
17		Xã đạt 3 tiêu chí NTM	5				1				-04			
18		Xã đạt 2 tiêu chí NTM	1											
19		Xã đạt 1 tiêu chí NTM												
20		Xã đạt 0 tiêu chí NTM												

Ghi chú:

(*): 17 xã đăng ký với TW đạt chuẩn năm 2015 theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội IX tỉnh Đảng bộ

(**): 9 xã ưu tiên đầu tư năm 2013-2014

PHỤ LỤC 5.2. KẾT QUẢ ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ CỦA 82 XÃ THEO BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM ĐẾN THÁNG 6/2013

STT	Xã	KQTH năm 2012	Các tiêu chí đạt được đến tháng 6/2013																			Tăng giảm so với 2012 (TC)		
			Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC văn hóa	Chợ	Bưu diện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ LĐ có VL	Tổ chức SX	Giáo dục	Y tế	Văn hoa	Môi trường	Hệ thống CT	AN-TT			
			TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 7	TC 8	TC 9	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19			
	Thị xã Tây Ninh																							
1	<i>Bình Minh(**)</i>	9	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ	Đ	K	K	Đ	10	1	
2	<i>Ninh Thạnh(**)</i>	8	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	Đ	Đ	K	Đ	Đ	Đ	9	1
3	<i>Thạnh Tân(*)</i>	5	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	Đ	Đ	K	K	Đ	Đ	-1	
4	Ninh Sơn	8	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	6	1	
5	Tân Bình	5	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	7		
	Sô tiêu chí đạt đến tháng 6/2013	35	5	0	3	5	0	0	0	5	0	0	3	0	5	1	3	5	0	2	2	38	3	
	Huyện Tân Biên																							
6	<i>Thạnh Bình(**)</i>	6	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	6	0	
7	<i>Trà Vong(**)</i>	6	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	6	0	
8	Mỏ Công	5	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	6	0	
9	Thạnh Tây	6	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	6	1	
10	Thạnh Bắc	5	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	8	2	
11	Tân Bình	5	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	7	2	
12	Tân Lập	3	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	6	1	
13	Hòa Hiệp	4	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	7	4	
14	Tân Phong	6	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	5	1	
	Sô tiêu chí đạt đến tháng 6/2013	46	9	0	9	5	0	0	3	9	0	1	0	5	4	0	0	9	0	1	2	57	11	
	Huyện Tân Châu																							
15	<i>Tân Hưng(**)</i>	6	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	K	K	Đ	K	Đ	K	9	3	
16	<i>Tân Hòa(*)</i>	4	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	6	2	
17	<i>Thạnh Đông(**)</i>	7	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	Đ	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	9	2	
18	Tân Phú	4	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	6	2	
19	Tân Hiệp	4	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	6	2	
20	Tân Hội	4	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	5	1	
21	Tân Đông	3	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	6	2	
22	Suối Ngô	3	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	5	2	
23	Suối Dây	4	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	8	5	
24	Tân Hà	5	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	6	2	
25	Tân Thành	2	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	7	2	
	Sô tiêu chí đạt đến tháng 6/2013	46	11	0	11	6	0	0	2	11	1	4	1	7	3	0	0	11	0	5	0	73	27	
	Huyện D.M.Châu																							
26	<i>Bến Củi(**)</i>	14	Đ	K	Đ	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	14	0	
27	<i>Chà Là(*)</i>	8	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	9	1	
28	<i>Phước Ninh(**)</i>	8	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	9	1	

STT	Xã	KQTH năm 2012	Các tiêu chí đạt được đến tháng 6/2013																			KQTH đến tháng 6/2013	Tăng/ giảm so với 2012 (TC)		
			Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC văn hóa	Chợ	Bưu điện	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ LD có VL	Tổ chức SX	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường	Hệ thống CT	AN-TT				
29	Suối Đá	4	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	K	9	5		
30	Phước Minh	4	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	Đ	K	K	K	Đ	K	6	2			
31	Cầu Khởi	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	K	8	3		
32	Bàu Năng	4	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	K	8	4		
33	Truông Mít	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	K	9	4		
34	Lộc Ninh	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	7	2		
35	Phan	6	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	K	8	2		
Số tiêu chí đạt đền tháng 6/2013			63	10	0	1	10	0	0	2	10	1	1	6	10	7	10	1	8	0	10	0	87	24	
Huyện C. Thành																									
36	An Bình(*)	4	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	4	0		
37	Thanh Điền(**)	6	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	6	0		
38	Thái Bình(**)	7	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	K	K	7	0		
39	Thành Long	4	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	4	0		
40	Long Vĩnh	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	Đ	Đ	K	K	5	0	
41	Trí Bình	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	5	0	
42	Biên Giới	3	Đ	K	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	3	0		
43	Đồng Khởi	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	5	0	
44	Phước Vinh	6	Đ	K	K	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	6	0	
45	Hòa Thạnh	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	K	K	5	0	
46	An Cơ	5	Đ	K	K	K	K	K	Đ	Đ	K	K	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	4	0	
47	Ninh Điền	4	Đ	K	K	K	K	K	Đ	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	K	K	4	0	
48	Hòa Hội	4	Đ	K	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	0	
49	Hảo Đước	6	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	6	0
Số tiêu chí đạt đền tháng 6/2013			69	14	0	0	9	0	0	4	13	0	0	3	0	8	1	1	14	0	0	2	69	0	
Huyện Hòa Thành																									
50	Long Thành Trung(**)	13	Đ	K	Đ	Đ	K	K	Đ	Đ	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	13	0	
51	Long Thành Bắc(**)	11	Đ	K	Đ	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	12	1
52	Trường Hòa(*)	8	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	Đ	Đ	K	Đ	K	7	-1
53	Long Thành Nam	8	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	Đ	Đ	K	Đ	K	8	0	
54	Trường Đông	7	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	Đ	K	Đ	K	7	0	
55	Trường Tây	8	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	Đ	Đ	K	Đ	K	8	0	
56	Hiệp Tân	8	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	Đ	K	Đ	K	8	0	
Số tiêu chí đạt đền tháng 6/2013			63	7	0	2	7	0	0	3	7	0	1	4	5	6	2	5	7	0	7	0	63	0	
Huyện Gò Dầu																									
57	Bàu Đồn(*)	10	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	10	0	
58	Phước Đông(**)	10	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	10	0	
59	Phước Trạch(**)	11	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	11	0	

STT	Xã	KQTH năm 2012	Các tiêu chí đạt được đến tháng 6/2013																			KQTH đến tháng 6/2013	Tăng/ giảm so với 2012 (TC)		
			Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	CSVC văn hóa	Chợ	Bưu diện	Nhà Ở	Thu nhập	Hộ ngheo	Tỷ lệ LD có VL	Tổ chức SX	Giáo dục	Y tế	Văn hoa	Môi trường	Hệ thống CT	AN-TT				
			TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC 6	TC 7	TC 8	TC 9	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19				
60	Thanh Phước	10	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	10	0		
61	Cẩm Giang	7	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	Đ	Đ	K	Đ	K	7	0		
62	Thạnh Đức	7	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	Đ	K	7	0		
63	Phước Thạnh	8	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	Đ	K	7	0		
64	Hiệp Thạnh	7	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	Đ	K	Đ	Đ	K	Đ	K	8	0		
Số tiêu chí đạt đền tháng 6/2013		70	8	0	0	8	0	0	3	8	0	0	8	1	7	4	7	8	1	7	0	70	0		
Huyện Bên Cầu																									
65	Long Khánh(**)	6	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	0	
66	Tiên Thuận(*)	5	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	6	0
67	An Thạnh	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	6	1	
68	Long Giang	4	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	8	3
69	Lợi Thuận	5	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	5	1
70	Long Chữ	5	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	K	K	K	Đ	8	3
71	Long Phước	7	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	7	2
72	Long Thuận	6	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	Đ	6	-1
Số tiêu chí đạt đền tháng 6/2013		43	8	0	0	8	0	0	3	8	0	0	0	4	6	1	1	8	0	0	0	6	53	10	
Huyện Trảng Bàng																									
73	An Hòa(**)	7	Đ	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	7	0
74	An Tịnh(**)	9	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	K	Đ	10	1
75	Lộc Hưng(*)	7	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	K	Đ	Đ	K	K	K	K	Đ	8	1
76	Bình Thạnh	4	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	4	0
77	Gia Bình	6	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	6	0
78	Gia Lộc	7	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	7	0
79	Phước Lưu	6	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	Đ	6	0
80	Hưng Thuận	6	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	Đ	6	0
81	Đôn Thuận	6	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	Đ	K	K	K	K	K	Đ	6	0
82	Phước Chi	5	Đ	K	K	Đ	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	K	Đ	K	K	K	K	K	Đ	6	0
Số tiêu chí đạt đền tháng 6/2013		63	10	0	0	10	0	0	0	10	1	1	3	1	7	1	3	9	0	4	4	65	2		
Số tiêu chí đạt năm 2012 (82 xã)		498	82	0	26	68	0	0	20	81	3	8	28	33	53	20	21	79	1	36	16	575	77		

Ghi chú:

K: (Chưa đạt tiêu chí)

Đ: Đạt tiêu chí

(*), (**): xã điểm xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015

(**): xã đăng ký với TW đạt chuẩn năm 2015